

## Ngôn Ngữ Biểu Trưng Trong Giáo Lý: Sách Giáo Lý của Cha Girolamo Maiorica và Sáng Kiến Hội Nhập Văn Hoá

Symbolic Language in Catechesis: Girolamo Maiorica's Catechism and His Inculturation Initiative

Lm. Fx. Nguyễn Hai Tính, S.J.<sup>1\*</sup>

<sup>1</sup>Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Vietnam

\*Email tác giả liên hệ: [nguyenhaitinh@gmail.com](mailto:nguyenhaitinh@gmail.com)

\* <https://orcid.org/0000-0003-4102-8619>

<https://doi.org/10.54855/csl.255413>

© Copyright (c) 2025 Nguyễn Hai Tính

Received: 30/09/2025

Revision: 15/12/2025

Accepted: 22/12/2025

Online: 22/12/2025

### ABSTRACT

**Keywords:** Girolamo Maiorica; Nôm script; symbolic language; inculturation

This article examines symbolic language in the catechetical writings of Jesuit Girolamo Maiorica (1591–1656), focusing on *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông*, to illuminate his inculturation initiatives when presenting Catholic doctrine to seventeenth-century Vietnamese audiences. Using historical–textual analysis and the question-and-answer format, the study compares the text with St. Roberto Bellarmine's short catechism and identifies additions made “according to Vietnamese customs.” Findings indicate that Maiorica employed vernacular Vietnamese, familiar symbol systems, narrative exempla, and an organization following Faith–Prayer–Commandments (Tin–Xin–Giữ) to support catechetical learning and practice. His Nôm writings thus served pastoral needs while also providing rare evidence of seventeenth-century Nôm prose, relevant to present-day cultural and evangelization discussions.

### TÓM LƯỢC

**Từ khoá:** Girolamo Maiorica; chữ Nôm; ngôn ngữ biểu trưng; hội nhập văn hoá

Bài viết khảo sát ngôn ngữ biểu trưng trong sách giáo lý của cha Girolamo Maiorica (1591–1656) qua tác phẩm *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông*, nhằm làm rõ sáng kiến hội nhập văn hoá khi trình bày giáo lý cho người Việt thế kỷ XVII. Nghiên cứu dùng phân tích lịch sử–văn bản và cấu trúc hỏi–thưa, đối chiếu với giáo lý ngắn của thánh Roberto Bellarmino và nhận diện các bổ sung “theo ý thói An Nam”. Kết quả cho thấy Maiorica vận dụng tiếng Việt bình dân, hệ biểu tượng quen thuộc, truyện kể và cách sắp xếp nội dung theo Tin–Xin–Giữ để giúp giáo dân dễ học và thực hành đức tin, gắn với thực hành đạo. Các trước tác chữ Nôm của ông vừa phục vụ mục vụ vừa là chứng liệu hiếm của văn xuôi Nôm thế kỷ XVII, hữu ích cho hôm nay.

**CITATION** | Nguyễn Hai Tính. 2025. “Ngôn Ngữ Biểu Trưng Trong Giáo Lý: Sách Giáo Lý của Cha Girolamo Maiorica và Sáng Kiến Hội Nhập Văn Hoá”. *Khoa Học Công Giáo và Đời Sống*, 5(4): 101-127. DOI: <https://doi.org/10.54855/csl.255413>

## Dẫn nhập

Tỉnh Dòng Tên Việt Nam vừa bước vào Năm Thánh kỷ niệm 400 năm ngày các Giêsu hữu<sup>1</sup> đầu tiên đặt chân đến đất Việt. Đây là dịp để các anh em Giêsu hữu và các thân hữu ôn cố tri tân, đọc lại quá khứ huy hoàng của các bậc cha anh đi trước nhằm rút ra những bài học thiết thực cho việc loan báo Tin Mừng trên nước Việt ngày nay. Từ trước tới nay, quá khứ huy hoàng đó thường được biết đến cách điển hình qua con người và các công trình – mục vụ cũng như ngôn ngữ, văn chương – của cha Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes), người vẫn được xem là có công lớn trong việc truyền giáo, hội nhập văn hoá và nhất là trong việc hình thành và phổ biến chữ Quốc Ngữ hiện đại (viết bằng các ký tự Latinh, xin gọi tắt là chữ Quốc Ngữ)<sup>2</sup>. Tuy nhiên, còn nhiều vị Giêsu hữu khác cũng đã góp phần khá quan trọng trong việc truyền giảng Tin Mừng cũng như trong việc hội nhập văn hoá nhưng chưa được biết đến cách rộng rãi<sup>3</sup>.

Sự xuất hiện và phổ biến của chữ Quốc Ngữ chắc hẳn đã được đa số người Việt Nam trân trọng và tán dương, vì nó giúp việc ghi lại tiếng nói dân tộc trở nên đơn giản, dễ dàng và phổ cập hơn. Tuy nhiên, cũng không có gì ngạc nhiên khi có những người nặng lòng với lịch sử và truyền thống dân tộc, tuy trân trọng việc tạo ra cách viết mới cho tiếng nói dân tộc, vẫn tiếc thay cho việc những áng văn thơ cổ viết bằng chữ Hán và chữ Nôm lùi dần vào quên lãng và mất tích trong tâm thức người Việt. Đối với một số người, chính chữ Quốc Ngữ là “thủ phạm” của hiện tượng đáng tiếc này, vì nó cắt đứt tâm thức người Việt khỏi dòng “truy cập” tới những áng văn cổ viết bằng chữ Hán và chữ Nôm. Cứ theo quan điểm này mà xét thì các Giêsu hữu phải giạt mình, nhận ra mình cũng “bị vạ lây” và “mang tội lớn” đối với nền văn học cổ của dân tộc.

Tuy nhiên, ngay cả khi bỏ qua vấn đề còn đang trong vòng tranh luận rằng liệu việc hình thành và phổ biến chữ Quốc Ngữ có thực sự là nguyên nhân chính cho việc chữ Nôm bị mai một hay không, thì các Giêsu hữu vẫn có thể an tâm trước các “cáo tội”, nếu có, về trách nhiệm đối với ngôn ngữ và văn học cổ của dân tộc. Bởi vì, các Giêsu hữu đầu tiên trên đất Việt không chỉ sáng tạo và lưu truyền chữ Quốc Ngữ hiện đại, mà họ còn để lại các tác phẩm văn xuôi bằng chữ Quốc Ngữ thời đó, tức chữ Nôm, nữa.

Nhân dịp Năm Thánh này, chúng tôi xin trình bày sơ lược một khuôn mặt khác, ít quen thuộc hơn cha Đắc Lộ, mà vai trò của ngài trong lịch sử truyền giáo cũng như trong lịch sử ngôn ngữ và văn học Việt Nam đang ngày càng được nhìn nhận rõ hơn, nhờ việc khám phá ra các tác phẩm Nôm mà ngài để lại. Đó là cha Girolamo Maiorica (1591-1656).

---

<sup>1</sup> Giêsu hữu là từ quen dùng (trong nội bộ Dòng) để gọi các tu sĩ Dòng Tên cách súc tích nhưng đầy ý nghĩa. Giêsu hữu có thể được hiểu là người bạn đồng hành với Chúa Giêsu, là người mang Chúa Giêsu trong mình. Đây là một cách Việt hoá từ J s uite trong tiếng Pháp và Jesuit trong tiếng Anh.

<sup>2</sup> Xin mạn phép nói thêm rằng chữ viết là yếu tố quan trọng trong việc lưu lại, không chỉ tiếng nói mà còn cả não trạng, suy nghĩ, tập tục, văn hoá của dân tộc qua dòng lịch sử. Suốt thời Hán thuộc, tiếng nói của dân ta không được ghi lại (vì không có chữ viết, hoặc chữ viết cổ đã bị mai một), mà chỉ được truyền miệng qua các thế hệ. Cho tới khoảng thế kỷ XIII tiếng nói của ta mới bắt đầu được ghi lại bằng chữ Nôm (x. Nguyễn Quang Hồng, “Khái Lược về Văn Học Chữ Nôm ở Việt Nam”, *Nhịp Sống* 12 (2007), bản điện tử, được truy cập từ <http://www.ivce.org/magazinedetail.php?magazinedetailid=MD00000272>, ngày 22.01.2014), là dạng chữ ban đầu vay mượn từ các chữ Hán, cho nên cũng khó học tương đương với chữ Hán, đôi khi còn phức tạp hơn chữ Hán, và chỉ một số ít người biết đọc chữ này.

<sup>3</sup> Thí dụ, nếu chỉ xét riêng vấn đề ai là cha đẻ thực sự của chữ Quốc Ngữ thôi, thì chúng ta cũng đã có bằng chứng rằng ngay từ năm 1632, chữ Quốc Ngữ của cha Gaspar d’Amaral rõ ràng hơn chữ Quốc Ngữ mà cha Đắc Lộ viết vào năm 1636 (x. Đỗ Quang Chính, *Lịch Sử Chữ Quốc Ngữ*, tr.88, 92).

Trong bài viết này, sau khi giới thiệu sơ lược về con người, công việc và tầm ảnh hưởng của cha Girolamo Maiorica, chúng tôi sẽ đi sâu vào tác phẩm *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông*<sup>4</sup> (TCTGKM) để tìm hiểu các phương cách thích ứng và hội nhập văn hoá của ngài trong khi trình bày giáo lý đức tin chân truyền cho người Việt.

## 1. Sơ lược về cha Girolamo Maiorica

Trong phần này, khi viết về thân thế sự nghiệp của cha Girolamo Maiorica, chúng tôi không có ý đi sâu theo hướng chuyên môn khoa học vào các chi tiết lịch sử<sup>5</sup>, nhưng chỉ có ý mô tả cách chân thực hết sức có thể và làm nổi bật lên nhân cách cũng như vai trò của ngài trong việc truyền giáo và hội nhập văn hoá, hầu góp phần cổ vũ lòng trân trọng các vị tiên nhân và rút ra các bài học thực tiễn cho việc loan báo Tin Mừng ngày nay.

### *Tiểu sử và công việc*

Trước hết phải nói, theo suy đoán của tác giả Brian Eugene Ostrowski, rằng có lẽ một trong những lý do khiến cha Girolamo Maiorica không được biết đến chính là đức tính khiêm nhường, âm thầm, không muốn được ai khen của ngài. Ngài ít xuất bản các bản tường trình như các thừa sai khác đã làm, các tác phẩm ngài để lại đa số đều là bản viết tay, bằng ngôn ngữ bản địa. Các thừa sai như Đắc Lộ, Giovanni Filippo de Marini, Cristoforo Borri và Joseph Tissanier xuất bản các tài liệu bằng các ngôn ngữ châu Âu và vì thế được giới học giả biết đến nhiều hơn, dù không có ai trong số họ sống trên đất Việt lâu như ngài<sup>6</sup>.

Sự âm thầm của cha Girolamo Maiorica làm cho việc viết tiểu sử ngài gặp một số khó khăn. Ngay cả tên của ngài viết thế nào, các học giả cũng chưa thống nhất được với nhau. Xin kể ra đây một vài điển hình: cha Đỗ Quang Chính viết tên ngài là Girolamo Majorica, tiến sĩ Brian E. Ostrowski viết là Geronimo Maiorica, tiến sĩ Nguyễn Thị Tú Mai viết là Jeronimo Maiorica. Riêng tác giả Roland Jacques viết rằng tên ngài bằng tiếng Ý là Girolamo Maiorica, bằng tiếng Bồ Đào Nha là Jerônimo Majorica<sup>7</sup>. Chúng tôi xin chọn viết tên ngài là Girolamo Maiorica<sup>8</sup>.

Theo cha Đỗ Quang Chính, cha Girolamo Maiorica sinh năm 1591 tại Napoli (Ý)<sup>9</sup>. Cứ theo số liệu này thì ngài gia nhập Dòng Tên năm lên 14 tuổi, vào ngày 19.05.1605. Theo những gì được ghi lại trong cuốn *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông* thì ngài được chính Đức Hồng Y Roberto Bellarmino (cũng là tu sĩ Dòng Tên) truyền chức linh mục cho khi ghé qua Rôma để

<sup>4</sup> Girolamo Maiorica, *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông*, do Võ Long Tê phiên âm và chú thích (lưu hành nội bộ, 2003).

<sup>5</sup> Chúng tôi không có điều kiện tiếp cận và nghiên cứu các bản viết tay, các tài liệu gốc hoặc các tài liệu chuyên biệt về sử học; hơn nữa, sử học cũng như văn bản học không phải là chuyên môn của chúng tôi. Do đó, chúng tôi xin tự giới hạn vào việc sưu tầm và tóm tắt lại các nghiên cứu có sẵn của một vài ấn phẩm và luận án tiến sĩ mới xuất hiện gần đây liên quan tới cha Girolamo Maiorica.

<sup>6</sup> X. Brian E. Ostrowski, *The Nôm Works*, xiii-xiv.

<sup>7</sup> X. Roland Jacques, *Portuguese Pioneers of Vietnamese Linguistics* (Bangkok: Orchid Press, 2002), 53.

<sup>8</sup> Chúng tôi chọn cách viết này (tuy rằng các sách Nôm của ngài có ghi rõ tên ngài được phát âm ở Đàng Ngoài theo kiểu Bồ Đào Nha là Giê-rô-ni-mô) là vì ngài là người Ý, mà trong tiếng Ý thì dạng Girolamo phổ biến hơn dạng Geronimo, và trong tiếng Ý không có ký tự j. Hơn nữa, theo trang mạng WorldCat thì ở cuối bản tường trình bằng tiếng Ý *Relatione del Giappone dell'anno M.DC.XXI* (Tường trình về Nhật Bản năm 1621) thì tên ngài được ký là "Maiorica Girolamo" (x. <http://www.worldcat.org/title/relatione-del-giappone-dellanno-m-dc-xxi/oclc/661273647>, truy cập ngày 23.01.2014).

<sup>9</sup> Các thông tin trong phần tiểu sử này phần lớn dựa vào nghiên cứu của cha Đỗ Quang Chính, trong *Dòng Tên*, 158-162, và của Brian E. Ostrowski, trong *The Nôm Works*, 7-23. Bình thường, trong phần tiểu sử này, chúng tôi sẽ không chú thích tham chiếu nữa, trừ một số những thông tin đặc biệt.

từ đó đi truyền giáo ở Viễn Đông<sup>10</sup>. Mà ngài khởi hành từ Lisboa hướng về Viễn Đông năm 1619, vậy ngài chịu chức linh mục vào khoảng năm 28 tuổi.

Mục đích ban đầu của các bề trên là gọi ngài đi truyền giáo ở Nhật, nhưng vì không đến Nhật được do cuộc bách đạo gay gắt, ngài “phải” thay đổi chương trình, chuyển đến Đàng Trong vào cuối tháng 12.1624 (hoặc tháng 02.1625) cùng với 6 Giêsu hữu khác, trong đó có cha Đắc Lộ<sup>11</sup>.

Ngài được gọi tới cư sở ở Nước Mặn (phần đất cuối của lãnh thổ Đàng Trong, gần vương quốc Chăm (ngày nay thuộc thôn An Hoà, xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; thuộc giáo xứ Nam Bình, giáo phận Quy Nhơn) để học tiếng Việt, trong khi cha Đắc Lộ đến cư sở Thành Chiêm (còn gọi là Kẻ Chàm), cách Hội An 7 km về phía tây<sup>12</sup>.

Ngài khấn cuối với 4 lời khấn ngày 21.05.1626. Đến năm 1628, ngài được gọi về Macao để chuẩn bị đi Nhật lần nữa, nhưng chuyển đi Nhật lại không thành.

Năm 1630, ngài trở lại Đàng Trong và tham gia sứ mạng truyền giáo cho nước Chăm (vùng Nha Trang và Phan Thiết bây giờ). Bị bắt giam ngay khi đặt chân lên đất Chăm, rồi được nhóm thương gia người Bồ Đào Nha chuộc ra, ngài qua Campuchia bắt tàu về lại Đà Nẵng ở Đàng Trong. Sau đó vì sứ mạng mới lập ở Đàng Ngoài cần người biết tiếng Việt, ngài được gọi đi Đàng Ngoài để hỗ trợ nhóm thừa sai ở đó.

Ngài đến Đàng Ngoài ngày 19.10.1631 (hoặc đầu năm 1632) cùng với cha Bernardino Reggio. Sau một năm ở kinh đô Thăng Long, ngài được gọi tới vùng thôn quê ở Kẻ Rum (Vinh, Nghệ An) để truyền giáo cho người bình dân<sup>13</sup>, trong khi các cha Gaspar d’Amaral và Antonio de Fontes ở lại thủ đô, để dễ liên lạc với chúa Trịnh Tráng. Nhờ thông thạo tiếng Việt, nên ngài dễ tiếp xúc và thuyết phục được nhiều người theo đạo; chỉ trong 5 tháng đầu ở Kẻ Rum, ngài đã rửa tội được cho 2.575 người<sup>14</sup>.

Vì phụ trách vùng truyền giáo rộng nhất Đàng Ngoài (gồm 9 quận – 4 quận vùng đồng bằng và 5 quận vùng đồi núi), nên ngay từ những ngày đầu ở vùng Nghệ An, ngài phải liên tục viết thư từ và bài giảng giáo lý để các thầy giảng đọc cho các giáo dân ở vùng xa nghe khi không có ngài ở đó. Vì thế mà ngài rất bận rộn với việc viết sách bằng ngôn ngữ và chữ Đàng Ngoài (tiếng Việt, chữ Nôm); ngài viết sách ngay cả lúc trên thuyền đi thăm viếng bốn đạo. Các học giả cho rằng, ngoài việc viết sách đạo bằng văn xuôi, ngài còn viết kịch và thơ; ngài còn tổ chức thi giáo lý có thưởng để khuyến khích việc học đạo.

Trong suốt quá trình truyền giáo ở vùng Nghệ An, ngài cũng gặp nhiều chống đối và thử thách, có khi bị giam tù, bị tẩy chay và cả bị đuổi đánh nữa. Có lần nhà nguyện ở Kẻ Rum bị đập phá và san bằng. Tuy nhiên, nói chung thì sứ mạng của ngài đạt nhiều thành công lớn. Năm 1636, ngài tin cho cha Đắc Lộ hay rằng mỗi năm ở Đàng Ngoài có trên 10.000 người được rửa tội, riêng ngài đã rửa tội cho 6.000 người từ khi đến Đàng Ngoài, và hiện cai quản 40.000 bốn đạo thuộc 70 nhà thờ<sup>15</sup>. Gánh mục vụ ngày càng nặng, khiến ngài phải ngưng viết sách vào đầu những năm 1640<sup>16</sup>. Vào khoảng những năm 1635-1640, ngài còn tham gia một cuộc tranh luận tôn giáo tại kinh đô Thăng Long, và đã thu phục được một vị Hoà Thượng

<sup>10</sup> X. *TCTGKM*, 14.

<sup>11</sup> X. Đỗ Q. Chính, *Dòng Tên*, 77.

<sup>12</sup> Về cư sở Nước Mặn, quý độc giả có thể xem thêm Đỗ Q. Chính, *Dòng Tên*, 65-67.

<sup>13</sup> X. Đỗ Q. Chính, *Dòng Tên*, 159.

<sup>14</sup> X. *Sđđ*.

<sup>15</sup> X. *Sđđ*, 197.

<sup>16</sup> X. Brian E. Ostrowski, *The Nôm Works*, 17.

theo đạo và trở nên bạn đồng hành, cộng tác với ngài trong việc soạn các sách đạo bằng chữ Nôm<sup>17</sup>.

Vào cuối năm 1649 (hoặc đầu năm 1650), được đặt làm bề trên vùng truyền giáo Đàng Ngoài lần thứ hai, ngài dời về cộng đoàn kinh đô Thăng Long giữa lúc chúa Trịnh Tráng đang ra lệnh cấm đạo, san bằng các nhà thờ, đập phá tượng ảnh và đốt các sách đạo. Vùng Nghệ An trước đây có nhiều nhà thờ là thế, sau cuộc bách hại năm 1649-1650, chỉ còn lại 4 nhà thờ. Trong thời gian làm bề trên ở Thăng Long, cha Girolamo Maiorica đã đi lại gặp gỡ chúa Trịnh Tráng nhiều lần để giải thích, thuyết phục, và đã có công lớn trong việc làm dịu những cơn cấm cách và bách đạo. Cũng trong khoảng thời gian này, dân số bôn đạo Đàng Ngoài tăng từ 200.000 (vào năm 1648) lên tới 250.000 (vào năm 1655)<sup>18</sup>.

Tháng 04.1653, ngài được đặt làm bề trên Giám Tỉnh của Tỉnh Dòng Nhật Bản. Bình thường thì Giám Tỉnh Nhật Bản sẽ phải cư ngụ ở Macao, nơi có trụ sở của Tỉnh Dòng và trường đào tạo các thừa sai và nơi mà đa số các Giêsu hữu Tỉnh Nhật Bản đang cư ngụ (36 trên tổng số 44); nhưng ngài chọn ở lại, điều hành Tỉnh Dòng từ Thăng Long là vùng đất truyền giáo.

Tháng 01.1656 ngài lâm trọng bệnh và mất ngày 27.01.1656 tại Thăng Long, thọ 65 tuổi.

### *Nhân cách và tâm ảnh hưởng*

Một số thông tin sơ lược ở trên về tiểu sử và công việc của ngài cho ta thấy cha Girolamo Maiorica là:

- Con người tiên phong, người của vùng ven, vùng sâu, vùng xa cả trong lãnh vực mục vụ lẫn lãnh vực trí thức. Ngài luôn xông pha đến những nơi xa xôi nhất, dám đảm nhận những vùng truyền giáo rộng nhất, chọn ở lại sống và chết với vùng truyền giáo. Phương pháp truyền giáo của ngài là đến với người dân quê; mọi việc ngài làm, những điều ngài viết là nhắm đến những người bình dân.

- Con người hoà giải, bắc những nhịp cầu trung gian. Ngài đã có công lớn trong việc đối thoại với triều đình chúa Trịnh Tráng để mang lại an bình cho các giáo dân thôn quê đơn sơ, vô tội. Có lẽ phẩm chất của một con người hoà giải là một trong các nguyên nhân khiến cha Girolamo Maiorica không bị trục xuất, mà có thể trụ lại ở Đàng Ngoài một thời gian dài tới lúc qua đời.

- Con người lãnh đạo tuyệt vời, hiệu quả, biết định hướng và nối kết những người cộng tác thành một thể thống nhất để xúc tiến công việc cách hiệu quả. Việc ngài sáng kiến và kiên trì viết các tài liệu Nôm để phân phối cho các thầy giảng đọc và dạy cho giáo dân, việc ngài được đặt làm bề trên vùng truyền giáo, rồi bề trên Giám Tỉnh là những bằng chứng cho phẩm chất lãnh đạo ưu việt của ngài.

Đánh giá vai trò của cha Girolamo Maiorica, tác giả Brian E. Ostrowski cho rằng ngài đã có ảnh hưởng lâu dài và mạnh mẽ trên các cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi ở Việt Nam. Lúc ngài mới tới đất Việt, các Giêsu hữu còn đang loay hoay chưa biết dạy giáo lý căn bản thế nào, lúc qua đời ngài đã để lại một thư viện lớn hiếm có các sách đạo bằng chính ngôn ngữ và chữ viết địa phương<sup>19</sup>. Trong suốt trên dưới 25 năm sống và chết ở Đàng Ngoài, ngài đã góp phần quan trọng vào sự lớn mạnh phi thường của Giáo Hội ở đây. Theo một báo cáo, vào năm 1658, tức 2 năm sau khi ngài mất, tổng số bôn đạo ở Đàng Ngoài đã lên tới khoảng 300.000<sup>20</sup>

<sup>17</sup> X. Đỗ Q. Chính, *Dòng Tên*, 161-162, 458. Các học giả cũng cho rằng chính vị Hoà Thượng – thầy Phanxicô thành Phao này là tác giả của bài kinh nổi tiếng *Phục Dĩ Chí Tôn*.

<sup>18</sup> X. Brian E. Ostrowski, *The Nôm Work*, 21.

<sup>19</sup> *Sđđ*, 22.

<sup>20</sup> X. Đỗ Q. Chính, *Dòng Tên*, 186,197.



– một nền móng tốt và vững chắc cho Giáo Hội Việt Nam sẽ được chính thức thiết lập với 2 Đại Diện Tông Toà Đàng Ngoài và Đàng Trong vào ngày 09.09.1659.

Cha Girolamo Maiorica còn được cho là có ảnh hưởng quan trọng lên đường hướng và cách thức truyền giáo của các Giêsu hữu thế kỷ XVII<sup>21</sup>. Có nhiều Giêsu hữu viết sách, nhưng viết tới 48 cuốn thì quả thật không ai sánh bằng cha Girolamo Maiorica. Ngài cũng là người trụ lại lâu nhất trên đất Việt (4 năm ở Đàng Trong và gần 25 năm ở Đàng Ngoài). Các thư từ, bản tường trình truyền giáo của các Giêsu hữu cho thấy ngài được đánh giá cao trong Dòng Tên, và bằng chứng là ngài được đặt làm bề trên vùng truyền giáo Đàng Ngoài và bề trên Giám Tỉnh Nhật Bản.

### *Các công trình chữ Nôm*

Chúng ta chỉ thực sự thấy rõ vai trò quan trọng của cha Girolamo Maiorica trong công cuộc truyền giảng Tin Mừng và trong lịch sử ngôn ngữ văn học Việt Nam khi xét đến các tác phẩm bằng chữ Nôm do ngài sáng tác hoặc tổ chức biên soạn.

Sử liệu của tác giả đồng thời với cha Girolamo Maiorica ghi lại rằng bình sinh, ngài đã có công biên soạn tới 48 cuốn sách đạo<sup>22</sup>. Suốt từ thế kỷ XVII cho tới thế kỷ XX, giới học giả Tây Phương truyền cho nhau thông tin này và một số chủ đề của các sách đó, nhưng không biết mặt mũi những cuốn sách đó như thế nào<sup>23</sup>. Họ cũng không chắc là những sách đó còn hiện hữu đâu đó hay là đã bị thất lạc và bị thời gian, chiến tranh, loạn lạc tiêu huỷ mất rồi. Cha Philipê Bình (1759-1833), học trò của các cha Dòng Tên, người đã viết nhiều sách bằng chữ quốc ngữ vào đầu thế kỷ XIX, cũng viết về các sách của cha Girolamo Maiorica. Cha Bình đề cập đến một số tựa đề sách của cha Girolamo Maiorica và còn thêm rằng, vào thời ngài, một số sách đã thất lạc. Các mô tả của cha Bình rất hữu ích để xác định các tác phẩm thường bị coi là vô danh, vô chủ nhưng thực chất là phát xuất từ cha Girolamo Maiorica. Vì theo cha Bình, từ những năm 1660, khi Dòng Tên không còn một mình lặn lội trên đất Việt nữa, mà đã có Hội Thừa Sai Paris và các dòng khác vào góp sức, thì các tác phẩm của cha Girolamo Maiorica vẫn được chép lại và sử dụng rộng rãi, nhưng tên của ngài trên các sách đó đã được cố ý xoá đi vì nhiều lý do<sup>24</sup>.

Tình trạng “hữu danh vô thực”, chỉ biết đến tên mà chưa thấy sách bao giờ, kéo dài mãi đến đầu những năm 1950, khi mà tác giả Hoàng Xuân Hãn tình cờ tìm thấy các thủ bản bằng chữ Nôm, được đóng mộc của Hội Thừa Sai Paris, trong kho lưu trữ của Thư Viện Quốc Gia Pháp (Bibliothèque Nationale de France). Khi nghiên cứu nội dung, rồi dựa vào các tên sách và các chủ đề mà các tác giả Tây Phương và cha Bình ghi lại, tác giả Hoàng Xuân Hãn quyết đoán các thủ bản này chính là các tác phẩm của cha Girolamo Maiorica. Việc này đã khuấy lên một bầu khí háo hức nơi các học giả chuyên về lịch sử, ngôn ngữ và văn chương Việt nam.

Gần đây, trong luận án tiến sĩ của mình vào năm 2006, tác giả Brian E. Ostrowski đã dùng các phương pháp phê bình văn bản, phân tích từ vựng và phân tích chữ Nôm để xác định và đã đưa ra kết luận rằng có tất cả 16 tập văn bản là các tác phẩm còn tồn tại của cha Girolamo Maiorica<sup>25</sup>. Ngoài ra, tác giả còn phân tích và xác định tựa đề hoặc chủ đề của 22 sách khác,

<sup>21</sup> X. Brian E. Ostrowski, *The Nôm Works*, xii-xiii.

<sup>22</sup> X. Đỗ Q. Chính, *Dòng Tên*, 160-161, 458.

<sup>23</sup> Các thông tin từ đây trở đi liên quan tới quá trình phát hiện thủ bản các sách của cha Girolamo Maiorica, chúng tôi dựa vào Brian E. Ostrowski, *The Nôm Works*, 24-38.

<sup>24</sup> X. Brian E. Ostrowski, *The Nôm Works*, 31-32. Tác giả dựa vào các cuốn *Orationes ou Orações da Missa; Truyện Nước Annam Đàng Ngoài chí Đàng Trươc, Quyển thứ nhất – Nói sự Đàng Ngoài; Sách sổ sang chép các việc của cha Philipê Bình*.

<sup>25</sup> X. Brian E. Ostrowski, *The Nôm Works*, 38-54.

có thể là của ngài nhưng không còn tồn tại hoặc còn nằm đâu đó trong các văn khố cổ ở châu Âu mà chưa được tìm thấy<sup>26</sup>.

Xin kể tên một vài tác phẩm còn tồn tại được Brian E. Ostrowski xác định là của cha Girolamo Maiorica: *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông, Đức Chúa Giê-su (Chi-Thu, Chi-Su), Dọn Mình Trước Chụ Cô-mô-nhông, Thiên Chúa Thánh Giáo Hối Tội Kinh, Qua-da-giê-si-ma Mùa Ăn Chay Cả, Những Điều Ngắm Trong Những Ngày Lễ Trọng Quyển Chi Nhất, Ông Thánh I-na-xu Truyện*, v.v.<sup>27</sup>. Và một số chủ đề và tựa đề các tác phẩm của cha Girolamo Maiorica nhưng chưa được tìm thấy: Kịch về cuộc đời thánh Alêxù, suy gẫm về tình yêu Đức Kitô, về các tội của lưỡi, về đức khiết tịnh, về tử đạo, *Sách Gương Phúc Gương Tội, Kinh Đọc Sớm Tối*, v.v.<sup>28</sup>

Tác giả Brian E. Ostrowski cũng bình luận thêm rằng các tác phẩm Nôm của cha Girolamo Maiorica đã cung cấp khá đầy đủ các hướng dẫn về phụng vụ và giáo lý bằng tiếng Việt cho giáo dân Việt Nam vào thế kỷ XVII. Các sách của ngài liên quan tới mọi lãnh vực của đời sống đạo: Thánh Kinh, phụng vụ, giáo lý, sách kinh, hạnh các thánh và các sách đạo đức khác. Các sách này là công cụ tuyệt vời giúp các thầy giảng người Việt hướng dẫn giáo dân sống đạo và học giáo lý<sup>29</sup>.

Cha Girolamo Maiorica bắt đầu viết sách từ rất sớm, ngay từ khi đang còn học tiếng Việt ở Đàng Trong (1625-1628), ngài đã cố gắng bắt đầu hình thành những bản văn chữ Nôm, tóm lược các điểm giáo lý cơ bản<sup>30</sup>. Rồi các tác phẩm đầu tiên ra đời từ trước năm 1634, ngay từ những ngày đầu tới Kẻ Rum, Nghệ An<sup>31</sup>. Những sách cuối cùng ngài viết vào khoảng đầu những năm 1640, như đã nói ở trên. So sánh với thời điểm xuất bản cuốn *Phép Giảng Tám Ngày* (1651) của cha Đắc Lộ, và ngay cả khi giả sử cuốn này đã được viết sau năm 1636 và được hoàn thành vào năm 1645<sup>32</sup>, thì chúng ta thấy rõ một số tác phẩm của cha Girolamo Maiorica đã có trước cuốn này, và vì thế, thấy rõ tầm quan trọng và ảnh hưởng của các sách của ngài.

Ngài viết sách thế nào? Ngài giỏi chữ Nôm đến độ có thể tự tay viết các bản văn Nôm chăng? Các học giả cho rằng, dù không loại trừ khả năng ngài biết đọc và viết chữ Nôm, hầu chắc ngài có các cộng sự là các thầy giảng người Việt, viết lại những điều ngài giảng hoặc ngài đọc cho họ chép. Trong số các cộng sự của ngài, chúng ta có thể kể tên thầy Phanxicô thành Phao<sup>33</sup> và có thể là cả Benoit Hiền (1615-1686) nữa<sup>34</sup>.

### *Chỗ đứng trong lịch sử ngôn ngữ và văn học Việt Nam*

Ngày nay, các sách Nôm của cha Girolamo Maiorica có giá trị rất lớn cho việc tìm hiểu về lịch sử thời kỳ đầu của Giáo Hội Việt Nam, về phong tục, tập quán cũng như ngôn ngữ và văn phong Việt Nam thế kỷ XVII.

<sup>26</sup> X. *Sđd*, 60.

<sup>27</sup> X. *Sđd*, 40-44.

<sup>28</sup> X. *Sđd*, 59.

<sup>29</sup> X. *Sđd*, 60.

<sup>30</sup> Mà kết quả là tác phẩm Nôm đầu tiên của ngài: *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông*. X. *Sđd*, 69-70.

<sup>31</sup> X. *Sđd*, 15.

<sup>32</sup> X. Đỗ Q. Chính, *Lịch Sử Chữ Quốc Ngữ 1620-1659* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008), 113-115. Cha Đỗ Q. Chính cũng nói rõ rằng vào năm 1636, cha Đắc Lộ còn viết tiếng Việt sai dấu và còn đặt các từ ngữ liền nhau.

<sup>33</sup> X. Đỗ Q. Chính, *Dòng Tên*, 458; Brian E. Ostrowski, *The Nôm Works*, 62-64; Nguyễn Thị Tú Mai, *Chữ Nôm và Tiếng Việt*, 40. Các tác giả dựa vào bộ sách *Truyện Nước Annam Đàng Ngoài chí Đàng Trạc, Quyển thứ nhất – Nói sự Đàng Ngoài* của cha Philipê Bình.

<sup>34</sup> X. Brian E. Ostrowski, *The Nôm Works*, 68. Benoit Hiền sau này làm linh mục thuộc Hội Thừa Sai Paris.

Để hiểu rõ hơn tầm quan trọng của các tác phẩm của cha Girolamo Maiorica đối với nền văn học nước nhà, chúng ta cần biết rằng các tác phẩm Nôm viết trước và trong thế kỷ XVII còn lại tới nay đa số đều là thơ hoặc văn vần. Chúng ta còn rất ít những bằng chứng của văn xuôi Nôm trước và trong thế kỷ XVII. Đặc biệt là văn xuôi Nôm sáng tác thì còn ít hơn.

Trong một bài viết<sup>35</sup>, giáo sư Nguyễn Quang Hồng liệt kê ra nhiều dạng văn chương chữ Nôm đã xuất hiện trong lịch sử như: phú, thơ, diễn ca lịch sử, ngâm khúc, truyện viết theo văn vần, văn tế, ca trù, tuồng chèo. Ở phần văn xuôi Nôm, giáo sư nhận xét là “có phần nghèo nàn hơn so với văn xuôi chữ Hán trong văn học cổ điển Việt Nam”. Ông đưa ra hai điển hình tác phẩm văn xuôi Nôm: một là bản giải âm ở giữa thế kỷ XVI của truyện *Truyện Kỳ Mạn Lục*, tức bản dịch ra chữ Nôm các mẫu truyện mà Nguyễn Dữ viết bằng chữ Hán vào đầu thế kỷ XVI; hai là bộ *Các Thánh Truyện* của cha Girolamo Maiorica mà ông cho là truyện ký phóng tác từ ngoại văn.

Tác giả Lại Nguyên Ân, khi liệt kê các tác phẩm văn xuôi chữ Nôm từ thế kỷ XV tới thế kỷ XIX, cho thấy trước tác phẩm *Các Thánh Truyện* của cha Girolamo Maiorica, thì các tác phẩm văn xuôi Nôm đều là bản dịch từ chữ Hán, trừ “*Chỉ truyện Thám Do cộng Nhân Lộc Thuần Tín đẳng...* là một bức thư của chúa Trịnh Kiểm (ở ngôi: 1545-69)”<sup>36</sup>. Chính ông cũng nhận xét rằng đến cuối thế kỷ XVIII văn xuôi chữ Nôm cũng còn rất hiếm<sup>37</sup>.

Như vậy, chúng ta thấy các tác phẩm văn xuôi chữ Nôm của cha Girolamo Maiorica là những bằng chứng quan trọng, độc đáo, có thể nói là thuộc loại duy nhất (văn xuôi sáng tác) trong kho tàng văn học cổ của Việt Nam. Gần đây, các chuyên viên ngữ học đã nhắc đến cha Girolamo Maiorica nhiều hơn, và có một số công trình lấy các tác phẩm của ngài làm đối tượng nghiên cứu về ngôn ngữ Việt Nam thế kỷ XVII<sup>38</sup>.

### Tiểu kết

Việc sưu tầm các nghiên cứu về lịch sử cho thấy cha Girolamo Maiorica, tuy âm thầm, nhưng là người gắn bó sống chết với đất Việt, với người dân Việt bình dân của thôn quê. Ngài có công lớn trong việc giảng dạy, truyền bá và củng cố đức tin cho các bôn đạo bình dân qua việc phục vụ và đặc biệt là qua các tác phẩm giáo lý và sách đạo đức bằng chữ Nôm. Ngài cũng góp công trong việc điều hành và định hướng cho công tác truyền giáo của các anh em Giêsu hữu tiên khởi trên đất Việt.

Việc sưu tầm các nghiên cứu về ngôn ngữ và văn bản cho thấy cha Girolamo Maiorica có một chỗ đứng thật đặc biệt, có thể nói là độc đáo, trong lịch sử ngôn ngữ và văn học Việt Nam, đại diện cho văn xuôi Nôm sáng tác vào thế kỷ XVII.

<sup>35</sup> X. Nguyễn Quang Hồng, “Khái Lược”. Xin xem chú thích 2.

<sup>36</sup> X. Lại Nguyên Ân, “Vai trò của dịch thuật trong sự hình thành văn xuôi tiếng Việt”, trong *Đọc Lại Người Trước, Đọc Lại Người Xưa* (Hà Nội: Nhà Xuất bản Hội nhà văn, 1998), bản điện tử truy cập từ <http://lainguyenan.free.fr/DLNX/index.html>, ngày 26.01.2014.

<sup>37</sup> X. Lại Nguyên Ân, “Truyện Nôm, vài khía cạnh văn học sử”, trong *Sổ*.

<sup>38</sup> Ví dụ, Nguyễn Quốc Dũng, *Ngôn ngữ trong “Truyện các thánh” của tác giả Maiorica – khía cạnh từ vựng và ngữ pháp* (Khóa luận tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ, Trường Đại học Sư phạm Huế, 2009). Nguyễn Văn Ngoạn, *Khảo cứu văn bản Nôm Kinh những lễ mùa phục sinh của Maiorica* (Luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội, 2012). Nguyễn Thị Tú Mai, *Chữ Nôm và Tiếng Việt Thế Kỷ XVII qua Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông của Jeronimo Maiorica* (Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012). Lã Minh Hằng, “Nguồn tư liệu từ vựng thế kỷ 17 – qua khảo sát truyện ông thánh Inaxu”, trong *Thông Báo Hán Nôm Học* (Viện Nghiên Cứu Hán Nôm, 2013), bản điện tử, truy cập từ <http://xuandienhannom.blogspot.com/2013/12/nguon-tu-lieu-tu-vung-ky-17-qua-khao.html>, ngày 26.01.2014.



## 2. Sơ lược về cuốn *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông*

Về tựa đề cuốn sách, “Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông” có nghĩa là gì? Theo học giả Đào Duy Anh, “khải mông” có nghĩa là “mở mang cái tối tăm, cái ngu tối. Nghĩa bóng: dạy học trò từ lúc bắt đầu còn ngu dốt”<sup>39</sup>. Theo cha Huỳnh Trụ thì ngày nay ở Trung Quốc, người ta vẫn dùng chữ “khải mông” theo nghĩa “học từ đầu, (môn học) nhập môn”<sup>40</sup>. Như vậy, theo nghĩa chữ, tựa đề cuốn sách có nghĩa là “Dẫn nhập đạo thánh Thiên Chúa” hoặc “Dẫn nhập các lời dạy thánh của Thiên Chúa”. Chúng tôi nghiêng về nghĩa sau hơn, vì chính cha Girolamo Maiorica viết “Ấy là lời tóm lại mọi sự Đức Chúa Giêsu truyền xưa, để cho người ta biết đường lên thiên đàng” (*TCTGKM*, 14).

### *Nguồn gốc xuất xứ*

Như đã đề cập ở trên, có học giả cho rằng đây rất có thể là cuốn sách đầu tay của cha Girolamo Maiorica, hoàn thành vào khoảng trước năm 1634<sup>41</sup>.

Phần dẫn nhập nói rõ sách này được soạn dựa trên tác phẩm của thánh Rôbertô Bellarminô (*TCTGKM*, 13). Việc đọc đối chiếu cho thấy sách này theo khá sát cấu trúc (Tin Xin Giữ Chụ), hình thức (hỏi thưa) và nội dung của sách *Giáo Lý Ngắn* mà thánh Rôbertô Bellarminô viết, theo lệnh của Đức Giáo Hoàng Clémentê VIII, vào năm 1597-1598 cho giới bình dân và trẻ em<sup>42</sup>.

Tuy nhiên, cha Girolamo Maiorica đã thêm nhiều điều vào các câu hỏi đáp vốn rất súc tích của *Giáo Lý Ngắn*, trong đó có các giải thích lấy từ cuốn *Giáo Lý Công Đồng Trentô*<sup>43</sup>, một số giải thích “theo ý thói An Nam” (*TCTGKM*, 14) phù hợp với tâm thức, não trạng và đời sống người Việt ở thế kỷ XVII, và các câu truyện đông tây kim cổ khác.

Bản văn duy nhất còn tồn tại của cuốn sách mà chúng ta có ngày nay là bản chữ Nôm viết tay, có xuất xứ vào khoảng năm 1666, hiện tại đang được lưu trữ tại Thư Viện Quốc Gia Pháp<sup>44</sup>. Đây có thể là một trong các tài liệu được cha François Deydier sai người chép lại, gửi về Paris

<sup>39</sup> Đào Duy Anh, *Hán Việt Từ Điển* (Sài Gòn: Trường Thi, 1957), 360. Chúng tôi đa tạ cha Huỳnh Trụ vì tham chiếu này.

<sup>40</sup> Huỳnh Trụ, *Tìm Hiểu Từ Vựng Công Giáo* (Lưu hành nội bộ, 2012), 493.

<sup>41</sup> X. Brian E. Ostrowski, *The Nôm Works*, 15,46, 69-70; Nguyễn Thị Tú Mai, *Chữ Nôm và Tiếng Việt*, 52.

<sup>42</sup> Chúng tôi chỉ có thể tiếp cận tới bản văn bằng tiếng Ý, *Dottrina Cristiana Breve (DCB)*, của cuốn giáo lý này, xuất bản năm 1839 tại Rôma. Ở phần dẫn nhập, thánh Bellarmino viết rằng sách này nhắm đến những người “đơn sơ” (x. *DCB*, 4) và với chủ ý là để học thuộc lòng (x. *DCB*, 5). Cuốn này có lẽ lại được soạn dựa theo, vì có hình thức và nội dung rất tương đồng với cuốn *Giáo Lý Nhỏ* của thánh Phêrô Canisio mà chúng tôi chỉ có bản văn tiếng Anh *The Little Catholick Catechism written by the R.F.P. Canisius of the Society of Jesus*, xuất hiện từ trang 1 đến trang 79 trong cuốn *An Introduction to the Catholick Faith*, được John Cousturier xuất bản năm 1633.

<sup>43</sup> Chúng ta cũng nên lưu ý rằng vào khoảng thời gian này, Giáo Hội Công Giáo Rôma đã xuất bản cuốn giáo lý cho toàn Giáo Hội, gọi là cuốn *Giáo Lý Công Đồng Trentô*, với cấu trúc Tin Chụ Giữ Xin (Kinh Tin Kính, các Bí Tích, các Giới Răn, các Kinh Nguyện). Cuốn này được viết xong vào năm 1564, được Đức Giáo Hoàng Piô V cho xuất bản vào tháng 09.1566. Chúng tôi chỉ có thể tiếp cận nội dung của cuốn này qua bản dịch tiếng Anh *Catechism of the Council of Trent (CCTr)* của J. Donovan, xuất bản năm 1829 tại Baltimore. Đây là một cuốn giáo lý đồ sộ, đầy đủ và chi tiết như một khảo luận thần học, có cả các tiêu đề, tóm ý cho các đoạn văn, cũng như có các trích dẫn và tham chiếu Thánh Kinh. Một số thí dụ cho thấy dấu ấn của cuốn giáo lý của công đồng Trentô trong cuốn *TCTGKM*: một số ý ở trang *TCTGKM*, 34 tương tự với *CCTr*, 36-37; trang *TCTGKM*, 37 với *CCTr*, 39; trang *TCTGKM*, 39 với *CCTr*, 38; trang *TCTGKM*, 40 với *CCTr*, 40.

<sup>44</sup> X. Nguyễn Thị Tú Mai, *Chữ Nôm và Tiếng Việt*, 44-45; Brian E. Ostrowski, *The Nôm Works*, 114. Các học giả này còn đặt giả thuyết rằng có thể Vitô Trí là người sao chép bản văn này.

qua ngã Thái Lan, lưu trữ trong văn khố của Hội Thừa Sai Paris và rồi, sau cuộc Cách Mạng Pháp, được đưa vào Thư Viện Quốc Gia Pháp<sup>45</sup>.

Hiện tại, chúng tôi được biết có hai bản phiên âm *TCTGKM* ra chữ Quốc Ngữ, một là bản lưu hành nội bộ, không đề tên tác giả, in năm 2003 (mà rất có thể là công lao của cụ Võ Long Tê); hai là bản phiên âm trong phụ lục của luận án tiến sĩ *Chữ Nôm và Tiếng Việt Thế Kì XVII qua Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông của Jeronimo Maiorica* của tác giả Nguyễn Thị Tú Mai, hoàn thành năm 2012 tại trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội. Hai bản phiên âm của một vài khác biệt nhỏ mà chúng tôi xin không đề cập đến ở đây. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng bản phiên âm lưu hành nội bộ.

### *Đặc điểm, cấu trúc*

Bản văn cuốn *TCTGKM* sử dụng nhiều từ cổ<sup>46</sup>, với lối nói bình dân; nhiều chỗ còn gây cảm tưởng đây là lối nói của một người chưa sành sỏi tiếng Việt<sup>47</sup>. Bản văn còn chứa đựng khá nhiều câu chuyện ly kỳ, đa số kể lại các phép lạ nhãn tiền, các cuộc hiện ra hay việc người chết hiện về để truyền tải một sứ điệp nào đó.

Nghiên cứu ngôn ngữ học cho thấy bản văn dùng chữ Nôm thời Lê Trung Hưng, thời kỳ chữ Nôm bắt đầu chuyển sang đơn tiết<sup>48</sup>.

Cấu trúc nội dung bản văn gồm sáu (6) Đoạn, trong đó các Đoạn chính được sắp xếp theo thứ tự Tin (Đoạn ba, giảng về Kinh Tin Kính), Xin (Đoạn bốn và năm, giảng về Kinh Lạy Cha và Kinh Kính Mừng), Giữ (Đoạn sáu, giảng về Mười Điều Răn). Chúng tôi xin trích câu đầu của từng Đoạn như sau, để quý độc giả thấy cấu trúc của cuốn sách:

“Đoạn thứ nhất giảng khai mông là đi gì và có mấy phần?” (*TCTGKM*, 14).

“Đoạn thứ hai giảng sự dẫu Câu-rút” (*TCTGKM*, 18).

“Đoạn thứ ba giảng mười hai điều phải tin” (*TCTGKM*, 27).

“Đoạn thứ bốn giảng lời nguyện Đức Chúa Giê-su truyền” (*TCTGKM*, 93).

“Đoạn thứ năm giảng kinh A-ve” (*TCTGKM*, 109).

“Đoạn thứ sáu giảng mười sự răn” (*TCTGKM*, 116).

Trong sách có nói nội dung “giảng khai mông” gồm “bốn mối”, gồm “Một là kinh Tin Kính, hai là kinh Tại Thiên, ba là Mười sự răn, bốn là bảy Sa-ca-ra-men-tô” (*TCTGKM*, 15; theo đúng cấu trúc Tin Xin Giữ Chụ). Tuy nhiên, phần cuối, nói về bảy Bí Tích, không thấy xuất hiện trong bản văn, mà chỉ được nhắc đến trong câu “Những truyện về tha tội sẽ nói sau khi giảng bảy Sa-ca-ra-men-tô cùng phép I-gê-rê-gia truyền” (*TCTGKM*, 85)<sup>49</sup>. Như vậy, chúng

<sup>45</sup> X. Đỗ Quang Chính, *Dòng Tên*, 20,297; Nguyễn Thị Tú Mai, *Chữ Nôm và Tiếng Việt*, 44.

<sup>46</sup> Thí dụ: *đi gì* (gì); *là đá* (đá); *dái* (sợ); *min* (tôi); *cha mày* (cha nuôi); *dộng* (tàu).

<sup>47</sup> Thí dụ: *TCTGKM*, 113: “làm mẹ và còn đồng trinh với” (làm mẹ mà vẫn còn đồng trinh); *TCTGKM*, 148: “Sống người ta về một Đức Chúa Trời” (Chỉ Đức Chúa Trời mới có quyền trên sự sống của người ta mà thôi); *TCTGKM*, 149: “Bởi tao ghét nhau cùng thẳng kia...” (Bởi tao và thẳng kia ghét nhau); *TCTGKM*, 153: “Vì nước người chẳng cho ăn của cha bằng con khác” (Vì theo luật lệ nước đó, con ngoài hôn thú không được hưởng thừa kế từ cha hoặc không được cha chu cấp). Chú ý đặc biệt cách sử dụng các giới từ, mang dáng dấp ngôn ngữ Tây phương.

<sup>48</sup> X. Nguyễn Thị Tú Mai, *Chữ Nôm và Tiếng Việt*, 154.

<sup>49</sup> Chúng ta có thể đặt vấn đề: Liệu cuốn *TCTGKM* có phần giảng giải tổng lược về các Bí Tích chẳng? Phần này có bị thất lạc chẳng (có dấu hiệu cho thấy bản Nôm hiện tại có thể là bản chép lại dờ dang, vì dòng cuối cùng chưa có dấu báo hết câu như thường lệ)? Hay cha Girolamo Maiorica chưa kịp viết phần này? Dù sao thì chúng ta cũng biết rằng cha Girolamo Maiorica có viết các cuốn chuyên khảo về từng Bí Tích, trong đó những cuốn

ta thấy cha Girolamo Maiorica soạn cuốn *TCTGKM* theo đúng cấu trúc Tin Xin Giữ Chụ của các cuốn giáo lý của Phêrô Canisiô<sup>50</sup> và của Rôbertô Bellarminô, khác với cấu trúc Tin Chụ Giữ Xin, vốn là cấu trúc của cuốn giáo lý công đồng Trentô và vẫn được dùng trong các cuốn giáo lý chính thức của Giáo Hội cho đến ngày nay.

### *Giá trị đối với đức tin người Việt*

Riêng về giá trị của tác phẩm *TCTGKM* đối với kho tàng đức tin và ngôn ngữ nhà đạo, chúng ta chỉ cần xét một vài câu trong cuốn này để thấy rằng những thói quen hành đạo, công thức đức tin, và ngôn từ nhà đạo vẫn còn phổ biến ngày nay đã có từ thời cha Girolamo Maiorica viết cuốn sách đầu tiên<sup>51</sup>.

Về thói quen trong việc hành đạo, chúng ta thấy có các bằng chứng sau:

- *TCTGKM*, 18 nói về việc “có đạo” thì phải “thuộc lòng sự các bản đạo nguyện”, tức các kinh, như “Kinh Tại Thiên, Ave cùng kinh Tín Đức Yếu Đoan” (Kinh Lạy Cha, Kính Mừng cùng Kinh Tin Kính). Ta thấy thói quen này còn được giữ và phổ biến cho tới ngày nay. Thường ở các giáo xứ, khi người tân tông gia nhập đạo thì ông trùm dạy cho họ học thuộc một số kinh căn bản.

- *TCTGKM*, 24 nói về việc “kê giữ đạo thì làm dấu trên mình, khi sớm mai trời dậy, khi bởi nhà mà ra, khi ăn cơm, khi đi nằm, khi dọn nguyện và toan làm mọi việc khác. Sau hết làm dấu có ý cho khỏi mọi chước quỷ...”. Những câu này hướng dẫn giáo dân biết nên làm dấu Thánh giá những lúc nào trong ngày sống. Ngày nay, trong các gia đình Công Giáo, các bậc cha mẹ vẫn còn dạy con cái làm dấu Thánh giá như thế này, đúng theo những điều cha Girolamo Maiorica mô tả và truyền dạy.

### *Về công thức đức tin:*

- Ở *TCTGKM*, 20 có câu sau: “Ba Ngôi ấy là một Chúa Trời mà thôi, vì Ba Ngôi có một tính, một ý, một phép”. Rõ ràng đây là công thức về Ba Ngôi (với những khái niệm ngôi, tính, ý, phép) còn phổ biến trong các giáo trình giáo lý mãi cho tới gần đây.

- Ở *TCTGKM*, 21 khi nói về Ngôi Con làm người, có câu: “Ngôi Thứ Hai gọi là Con, có hai tính, một là tính thiêng liêng trọng vô cùng, hằng có vậy, lại Ngôi Con lấy tính người là linh hồn cùng xác...”. Ngôi Con có hai bản tính là công thức giáo lý (trong tiếng Việt) mà ngày nay chúng ta thừa hưởng từ cha Girolamo Maiorica.

- Ở *TCTGKM*, 21 cũng có câu: “ngày thứ ba sống lại, khỏi bốn mươi ngày lên trời”. Rõ ràng đây cũng là một công thức quen thuộc trong giáo lý về việc Chúa Giêsu sống lại và lên trời (lưu ý vẫn điệu, và chữ “khỏi”).

### *Về ngôn từ nhà đạo:*

Những cụm từ quen thuộc và độc đáo nhà đạo đã được sáng tác hoặc ghi lại từ thời cha Girolamo Maiorica: *sự thương khó, công nghiệp Đức Chúa Giêsu, đền cùng chuộc tội, thầy*

còn tồn tại là: *Dọn Mình Trước Chụ Cô-mô-nhông* (nói về Bí Tích Thánh Thể và Bí Tích Truyền Chức Thánh) và *Thiên Chúa Thánh Giáo Hối Tội Kinh* (nói về Bí Tích Hoà Giải); ngoài ra hầu chắc ngài cũng đã viết một cuốn về Bí Tích Hôn Phối, nhưng đã bị thất lạc hoặc chưa được tìm ra (x. Brian E. Ostrowski, *The Nôm Works*, 70).

<sup>50</sup> Như trong cuốn *The Little Catholic Catechism* nói đến ở trên, hoặc trong cuốn *A Summe of Christian Doctrine*, xuất bản năm 1622, là bản dịch của John Heigham từ tác phẩm cùng tên bằng tiếng Latinh của thánh Phêrô Canisiô.

<sup>51</sup> Điều này là bằng chứng cho thấy những thói quen, công thức và ngôn từ nhà đạo còn tồn tại tới ngày nay là do các cha Giêsu hữu thừa sai tiên khởi (trong đó có cha Girolamo Maiorica) sáng tác, biên dịch, giảng dạy, và truyền lại cho ta, đặc biệt là qua các tác phẩm chữ Nôm của cha Girolamo Maiorica.

*cả, rồi linh hồn, tin kính, chịu sự khó bằng lòng, khiêm nhường chịu lụy, sinh thì, hằng sống, cả sáng, trị đến, dùng đủ, v.v.*

### *Tiểu kết*

Từ những điều nói trên về nguồn gốc xuất xứ và đặc điểm của cuốn *TCTGKM*, chúng ta có thể rút ra các điểm rất ý nghĩa làm nổi bật đặc tính của phương pháp truyền giảng Tin Mừng của cha Girolamo Maiorica:

Ngài chọn trình bày một cuốn giáo lý ngắn, đơn giản, dưới dạng hỏi thưa. Ngài không chọn các cuốn chứa đựng các giảng giải dài dòng, lý luận phức tạp vốn nhằm trình bày đức tin cách có hệ thống cho những người trí thức. Cha Girolamo Maiorica chỉ dừng lại ở mức độ trình bày giáo lý ngắn gọn, giải thích đơn sơ dễ hiểu, nhằm giúp giáo dân “đi đường tắt là chóng học cùng giữ lời truyền” (*TCTGKM*, 14). Chọn lựa này có thể củng cố cho giả thiết đây là cuốn sách đầu tay của cha Girolamo Maiorica; bắt đầu từ cái đơn giản luôn là một phương án hợp lý cho việc giảng dạy và loan báo Tin Mừng.

Ngài đã soạn sách dựa theo cuốn giáo lý nổi tiếng đương thời và được Đức Giáo Hoàng chính thức xác chuẩn, đồng thời cũng thêm bớt nhiều điều cho hợp với náo trạng và thói tục địa phương. Như thế, ngài vừa có thể đưa giáo dân Việt ở tận vùng Viễn Đông hội nhập vào xu hướng chung của Giáo Hội Công Giáo Rôma, cập nhật cho họ các giáo lý truyền thống, căn bản và đương thời nhất của Giáo Hội hoàn vũ, vừa có thể làm cho họ nhận ra giáo lý thánh tuy mới, vẫn không quá xa lạ với những kinh nghiệm thường ngày của họ.

Ngài quyết định giảng và viết lại giáo lý bằng tiếng Việt, mà lại là tiếng Việt bình dân, chứ không bằng tiếng Hán, là thứ tiếng phổ thông trong văn viết thời đó. Chúng ta sẽ thấy ý nghĩa đặc biệt của quyết định (dùng tiếng Việt) này nếu lưu tâm rằng cho tới thế kỷ XVII, khi đặt bút viết điều gì, người ta thường hay viết theo văn tiếng Hán. Chính vì thế mà các tác phẩm tiếng Việt của cha Girolamo Maiorica đánh dấu một bước đột phá trong lịch sử văn xuôi tiếng Việt và là những bảo chứng độc đáo còn lại về văn xuôi sáng tác tiếng Việt thế kỷ XVII. Tuy nhiên, có lẽ cha Girolamo Maiorica không nghĩ tới việc bảo tồn căn tính dân tộc hay lưu danh sử sách (bằng cách tạo ra một bước đột phá trong lịch sử văn xuôi tiếng Việt) cho bằng chỉ nhắm mục đích thực tiễn là giúp các thầy giảng có tài liệu để trình bày giáo lý cho giáo dân bằng tiếng mẹ đẻ của mình.

Quyết định ghi chép lại lời giảng giải giáo lý còn mang ý nghĩa truyền giáo cao, làm cho việc học các chân lý căn bản của đạo được dễ dàng phổ cập, phát tán và lưu truyền, qua sự trợ giúp đắc lực của các thầy giảng. Với quyết định này, cha Girolamo Maiorica đã không chỉ dành riêng việc loan báo Tin Mừng cho mình mà thôi, mà đã mở rộng việc đó cả về không gian lẫn thời gian, biến nó thành công việc của tập thể, mà vẫn đảm bảo tính chính thống và nhất quán của giáo lý thánh.

Những bằng chứng về dấu ấn của cuốn *TCTGKM* trên đức tin và đời sống đạo của giáo dân Việt cho thấy cuốn sách này đã khá thành công trong việc giới thiệu và truyền giảng các chân lý đức tin căn bản đồng thời huấn luyện đời sống đạo của giáo dân Việt. Để thấy rõ hơn nguyên nhân sâu xa của thành công này, chúng ta sẽ đi vào phân tích những nét độc đáo qua đó cuốn sách thể hiện nỗ lực thích nghi sáng tạo nhằm lưu truyền giáo lý chân chính của Giáo Hội.

### 3. Những nét độc đáo của TCTGKM

Như trên đã nói, cuốn TCTGKM dựa theo khá sát cấu trúc, hình thức và nội dung của cuốn *Giáo Lý Ngắn* của thánh Bellarmino; tuy nhiên, ngài cũng đưa vào một số giảng giải mà ngài lấy ý từ cuốn giáo lý đồ sộ của công đồng Trentô. Trong phần này, để thấy rõ hơn đóng góp của cha Girolamo Maiorica, chúng tôi sẽ đề cập đến một số điểm nổi bật và độc đáo của TCTGKM, không có trong hai cuốn giáo lý trên. Khi đề cập đến các điểm độc đáo này, chúng tôi có dụng ý tìm hiểu và trình bày các phương cách thích ứng và hội nhập văn hoá mà cha Girolamo Maiorica dùng trong việc dạy giáo lý nói riêng và trong việc loan báo Tin Mừng nói chung cho người Việt ở thế kỷ XVII.

Các điểm độc đáo này đều xoay quanh mối bận tâm kép về việc hội nhập văn hoá và bảo toàn sự tinh tuyền của đức tin chính thống. Chúng tôi gọi đây là “bận tâm kép” vì hai mối bận tâm thực chất gần như là một. Chính vì nhất thiết phải hội nhập văn hoá và chính khi dùng mọi phương cách để hội nhập văn hoá mà cha Girolamo Maiorica mới phải bận tâm về tính chính thống của đức tin. Ngược lại, giáo lý chính thống chỉ thực sự được bảo tồn, hiện thực hoá và phát huy khi được hiểu, đón nhận và đi vào tâm thức người Việt. Chúng ta sẽ thấy rõ điều này ngay sau đây, rằng bận tâm bảo toàn giáo lý chính thống xuất hiện (và chỉ xuất hiện) ngay trong những nỗ lực hội nhập văn hoá.

Chúng tôi xin nhóm kết các điểm độc đáo này – trong đó có ba hình thức văn chương có tính biểu trưng – dưới nhan đề ba mối bận tâm cụ thể, phản ánh mỗi bận tâm kép nói trên.

#### *Bận tâm bảo toàn giáo lý chính thống*

Trước hết, bận tâm bảo toàn sự tinh tuyền của đức tin chính thống được thể hiện bằng việc giữ lại và sử dụng song song những từ ngoại ngữ (đã được phiên âm) dù đã dịch ý sang tiếng Việt: *Đêu (Deus)=Đức Chúa Trời, san-ta (santa)=thánh, ga-ra-sa (gracia)=ơn, thánh an-giô (anjo)= thiên thần*<sup>52</sup>. Việc dịch các khái niệm thần học không phải là chuyện dễ làm, vì không phải lúc nào cũng tìm được các khái niệm tương đương ở ngôn ngữ đích; ngay cả khi ngôn ngữ đích có các khái niệm tương đương thì, trong nhiều trường hợp, chúng cũng không thể lột tả trung thực ý nghĩa thần học của các khái niệm gốc. Đó là lý do cha Girolamo Maiorica đã cố gắng tìm các khái niệm tương đương trong tiếng Việt (thí dụ: *thánh, ơn*) để dịch các khái niệm thần học tế nhị (và vốn có một lịch sử phức tạp), đồng thời vẫn giữ lại các từ Bồ Đào Nha (vốn phát xuất từ Latinh, ngôn ngữ gốc của các khái niệm thần học từ thời các giáo phụ), để định hướng cách hiểu của các từ tiếng Việt. Như vậy, cách làm của cha Girolamo Maiorica đáp ứng cả hai tiêu chí là vừa Việt hoá ngôn ngữ thần học, vừa “rửa tội”, hay là thần học hoá ngôn ngữ Việt. Ngoài ra, cha Girolamo Maiorica cũng đã sáng tác từ mới bằng cách ghép các từ thành một khái niệm (thí dụ: *Đức Chúa Trời, thiên thần*); đây cũng là một cách làm khôn ngoan, bảo đảm được cả hai tiêu chí nói trên, tránh sự sai lệch hay ngộ nhận mà các khái niệm tương đương có sẵn có thể gây ra.

<sup>52</sup> Thí dụ: TCTGKM, 111,116 dùng cả *Chúa Đêu* lẫn *Đức Chúa Trời*; TCTGKM, 77,110 dùng cả *San-ta* lẫn *thánh*; TCTGKM, 155 dùng cả *thánh an-giô* lẫn *thiên thần*. TCTGKM, 74 nói về “ba ơn” liên kết với màu nhiệm Giáo Hội: phép tha tội, xác người ta sống lại và phúc thiên đàng; đây quả là các đặc tính của *ga-ra-sa* theo như cha Girolamo Maiorica giải thích khi nói về Đức Mẹ đầy *ga-ra-sa* và Nước *ga-ra-sa* của Thiên Chúa. Ở TCTGKM, 99, cha Girolamo Maiorica viết: “Nước *ga-ra-sa* là phép trị linh hồn kẻ giữ đạo và cho làm được mọi việc cho nên và ngay sau cho rồi linh hồn”. Xin cũng xem TCTGKM, 110-111 khi cha Girolamo Maiorica viết *ga-ra-sa* làm cho linh hồn ghét tội, nên tốt và có sức làm được việc lành; và TCTGKM, 102 khi ngài viết “Của về linh hồn là cực trọng Cô-mô-nhông hay nuôi sống linh hồn là *ga-ra-sa*...”. Vậy chúng ta có thể kết luận rằng cha Girolamo Maiorica hay nói về các bí tích như là *ga-ra-sa*, và đã tìm được từ *ơn* để dịch từ *ga-ra-sa* mà vẫn giữ lại và dùng song song từ đó.



Bận tâm về tính chính thống của giáo lý còn được thể hiện qua việc cha Girolamo Maiorica cẩn thận lưu ý độc giả về các ngộ nhận có thể có liên quan đến các màu nhiệm đức tin, để tránh những cách hiểu mang tính mê tín dị đoan. Để minh họa, chúng tôi xin đưa ra điển hình liên quan tới màu nhiệm Thiên Chúa thiêng liêng duy nhất và ba ngôi. Ở *TCTGKM*, 28, ngài viết: "... lại phải tin có một Đêu, chẳng phải nhiều. Khi kia rằng, Đêu, chớ nghi là Đức Chúa Đêu giống sự gì có xác, vì chung Chúa Đêu là một sự thiêng liêng, hằng có mà chẳng có khi hết...". Trong khi lưu ý về Thiên Chúa độc nhất có trong sách giáo lý của công đồng Trentô (*GLCDTr*, 24) thì lưu ý về Thiên Chúa thiêng liêng là điều mà cha Girolamo Maiorica bận tâm giảng giải cho độc giả người Việt. Có lẽ ngài đã bắt được tâm thức người Việt hay tưởng tượng thân thánh cũng có những suy nghĩ, ước vọng và hành xử tương tự con người, nên đặc biệt lưu ý độc giả người Việt về điểm này.

Ở *TCTGKM*, 31, ngài viết: "Nghĩa điều ấy là Đức Chúa Trời có một Con thật, tên là Giê-su. Song le kéo kẻ u mê nghe tiếng con, nghĩ là cha con như người ta thế gian, thì phải xem thí dụ gương". Ở *TCTGKM*, 32, ngài cũng ghi: "Chớ nghi là con thiêng liêng ấy bởi lòng người nữ mà ra, hay là có giống sự gì hèn như các người thế gian làm chi". Như vậy, cha Girolamo Maiorica ý thức rằng người Việt có thể mừng tượng và hiểu sai về mối tương quan giữa Chúa Cha và Chúa Con, cho nên tuy vẫn giữ lại hình ảnh cha-con như thần học Tây phương vẫn dùng, cha Girolamo Maiorica đã cẩn thận giảng giải để bảo đảm độc giả hiểu hình ảnh đó theo ý nghĩa đúng đắn và chính thống của thần học.

Đặc biệt, bận tâm về tính chính thống của giáo lý đức tin còn được thể hiện qua việc sử dụng khá thường xuyên một công cụ văn chương độc đáo mà chúng tôi sẽ đề cập ngay sau đây: công thức hoá.

### *Công thức hoá*

Một trong những cách bảo toàn giáo lý chính thống là làm sao để thánh giả hay độc giả nắm bắt được các điểm giáo lý chính cách tương đối dễ dàng mà lại toàn diện. Dung hoà hai điểm này thật không dễ, vì nếu muốn người thụ huấn học dễ dàng thì nhiều khi phải đơn giản hoá hoặc giảm thiểu nội dung giáo lý; ngược lại, nếu dạy toàn bộ nội dung thì lại làm cho người học khó tiếp thu ngay được. Cha Girolamo Maiorica đã làm điều này bằng một phương cách mà chúng tôi tạm gọi là *công thức hoá* các chân lý đức tin vào trong một công thức hay hệ thống. Phương cách này đơn giản hoá nội dung giáo lý nhưng vẫn giữ được sự toàn vẹn cần có; nó có thể trình bày khá trọn vẹn nội dung của các điều cần học mà lại làm cho người học dễ nhớ. Chúng tôi xin đề cập đến ba loại công thức sau:

1) Ngoài những công thức tóm lược nội dung giáo lý thành câu trúc<sup>53</sup>, lấy từ cuốn giáo lý ngắn của thánh Bêllarminô, cha Girolamo Maiorica còn trình bày những câu trúc khác để giúp độc giả hay thánh giả dễ hiểu và dễ nhớ nội dung giáo lý. Chẳng hạn ở *TCTGKM*, 74, ngài hệ thống hoá nội dung Kinh Yếu Đoan (Kinh Tin Kính) thành hai phần: phần đầu về "Đức Chúa Trời một tính và có Ba Ngôi", phần sau về "I-gê-rê-gia [Giáo Hội], dù mà làm một thì có ba ơn"; ba ơn đó là phép tha tội, xác sống lại và phúc thiên đàng<sup>54</sup>. Việc đặt song song màu

<sup>53</sup> Thí dụ: tóm lược nội dung "giảng khai mông" thành "bốn mối" Tin Cây Mến và bảy Bí Tích (x. *TCTGKM*, 14-15); dấu Thánh Giá là công thức tóm tắt hai chân lý đức tin chính của đạo thánh – "...Đức Chúa Trời có một tính ở Ba Ngôi...Con Đức Chúa Trời ...làm người, cùng chịu nạn vì tội thiên hạ" (*TCTGKM*, 19); tóm lược Mười Điều Răn thành "ba điều về Đức Chúa Trời,...bảy điều về người ta,...dạy lấy lòng cùng lưỡi và việc làm mà kính mến Đức Chúa Trời..." (*TCTGKM*, 118), v.v.

<sup>54</sup> Cuốn giáo lý của công đồng Trentô chia Kinh Tin Kính thành ba phần chính: phần đầu nói về Ngôi Cha và công trình sáng tạo, phần hai về Ngôi Con và công trình cứu độ, phần ba về Ngôi Thánh Thần và công trình thánh hoá; như vậy, theo cuốn giáo lý này tín khoản về Giáo Hội và những tín khoản cuối đều thuộc về phần ba, nói về Chúa Thánh Thần và công trình thánh hoá (x. *CCTr*, 21). Cuốn giáo lý ngắn của thánh Bêllarminô thì chia Kinh

nhệm Một Thiên Chúa Ba Ngôi với mầu nhiệm Giáo Hội duy nhất mà có ba ơn là một công thức khá sáng tạo và độc đáo.

Một thí dụ khác là ở *TCTGKM*, 129-134, khi giảng về giới răn thứ hai, cha Girolamo Maiorica đã hệ thống hoá nội dung giảng giải cách khá đầy đủ, nhưng đơn giản và rõ ràng. Khác với sách giáo lý ngắn của thánh Bêllarminô chỉ nói quá vắn tắt<sup>55</sup> và với giáo lý của công đồng Trentô lại nói quá dài và phức tạp<sup>56</sup>, cha Girolamo Maiorica cấu trúc nội dung giới răn này thành bốn điểm rất súc tích: *kính, thề, khấn, khen*; mỗi điểm đều có khía cạnh tích cực (nên) và tiêu cực (cấm). Trong phần nói về *thề*, ngài chia ra thành ba mục nhỏ: *thề thật, thề lành và thề khôn*, phản ánh đúng các tiêu chuẩn mà sách giáo lý công đồng Trentô đặt ra cho lời thề (bản tiếng Anh gọi ba tiêu chuẩn đó là *truth, justice, judgment*; chú ý cách dùng từ rất khéo của cha Girolamo Maiorica để dịch ba khái niệm trừu tượng đó).

Hiển nhiên, mọi cách phân chia hay hệ thống hoá chỉ mang tính cách tương đối, nhằm giúp người đọc dễ nhớ các điều phải học và mối liên hệ giữa các điều ấy. Cách phân chia này không nhất thiết loại trừ cách phân chia khác. Như thế, các công thức dạng này chỉ mang tính cách gợi ý hoặc đôi khi góp phần làm sáng tỏ các chân lý đức tin khi đặt các chân lý đó trong mối tương quan hệ thống với nhau.

2) Ngoài việc công thức hoá nội dung, cha Girolamo Maiorica còn sáng tạo và sử dụng các “công thức” giáo lý súc tích, có vần điệu trong tiếng Việt (có tính chất công thức về mặt hình thức). Quả thực, những câu văn mang vần điệu cũng có tác dụng như một công thức, dễ đọc, dễ học và đi vào trí nhớ người đọc, người nghe cách lâu dài. Một số câu văn đó còn tồn tại trong ngôn ngữ nhà đạo cho tới ngày nay chứng tỏ tính hiệu quả của việc dạy giáo lý bằng công thức. Chúng tôi xin đơn cử một số thí dụ:

Ở *TCTGKM*, 19-20, 36, khi nói về mầu nhiệm Ba Ngôi, cha Girolamo Maiorica hay dùng công thức “một tính ở Ba Ngôi” hay công thức “Ba Ngôi có một tính, một ý, một phép”. Ngoài việc phân biệt và sử dụng nhất quán các khái niệm *tính* và *ngôi* để diễn tả công thức tín lý về Thiên Chúa duy nhất và Ba Ngôi (điều mà cha Girolamo Maiorica có thể đã học từ sự phân biệt giữa *tính* hoặc *thể* với *vị* của các thừa sai Dòng Tên bên Trung Hoa), thì việc tóm tắt giáo lý về Ba Ngôi trong một câu văn mang tính công thức là một sáng kiến khá độc đáo. Sáng kiến này giúp cha Girolamo Maiorica có thể truyền tải khá trọn vẹn ý nghĩa của mầu nhiệm Một Thiên Chúa Ba Ngôi mà không cần đề cập đến các khái niệm *essenza, natura, procedere* (sau này chúng ta dịch là *yếu tính, bản tính, nhiệm xuất*) như trong cuốn giáo lý của thánh Bêllarminô<sup>57</sup>.

Ở *TCTGKM*, 32-33, khi giải thích ý nghĩa của danh xưng Kitô, cha Girolamo Maiorica viết: “Ki-ri-xi-tô là chức, có hai nghĩa, một là thầy cả trên hết [*các*] thầy, hai là vua [*cả*] trên hết các vua”. Đây là một lối nói vắn tắt rất khéo, nói lên chức vụ tư tế và vương đế đích thực và trỗi vượt của Đức Kitô Giêsu. Chỉ cần dùng các từ “thầy cả” hay “vua cả” là cha Girolamo Maiorica không cần phải giải thích dài dòng, như trong sách giáo lý của công đồng Trentô, về việc các loại người thường chịu xúc dầu trong Cựu Ước (tư tế, vua, ngôn sứ) là hình ảnh của

---

Tin Kính thành hai phần: phần đầu gồm tám tín khoản nói về Thiên Chúa, phần sau gồm bốn tín khoản nói về Giáo Hội; như vậy, các tín khoản sau đó đều thuộc về phần nói về Giáo Hội (x. *DCB*, 11). Từ những thông tin trên, ta thấy cuốn *TCTGKM* theo cách phân chia của thánh Bêllarminô, gọi ba tín khoản cuối là ba ơn thuộc về Giáo Hội.

<sup>55</sup> X. *DCB*, 26, ngài chỉ đề cập đến tội thề sai và thề không cần thiết, cũng như về tội không giữ lời khấn.

<sup>56</sup> X. *CCTr*, 254-263. Nội dung phần này có nói về khía cạnh tích cực và tiêu cực của giới răn thứ hai; nhưng phần lớn nói về lời thề. Phần tiêu cực liệt kê tới mười hai dạng thức của lời thề gian.

<sup>57</sup> X. *DCB*, 7-8.

Đức Kitô Giêsu, Đấng được xúc dầu đích thực bằng Thần Khí<sup>58</sup>. Công thức trên đã đi vào các kinh nguyện tiếng Việt và được đọc cho tới ngày nay.

Ở *TCTGKM*, 112, cha Girolamo Maiorica viết về Đức Chúa Trời ở cùng Đức Mẹ, luôn phù hộ Mẹ thì Mẹ chẳng “phạm tội gì, dù mà lòng lo miệng nói cùng việc làm”. Đây cũng là một dạng công thức liệt kê các dạng thức hay các loại tội, cũng đã trở nên phổ biến trong các kinh đọc và còn tồn tại trong Kinh Cáo Minh cho tới ngày nay.

3) Ngoài ra, trước những câu hỏi ngây ngô, bình dân nhưng rất hóc búa, cha Girolamo Maiorica còn đưa ra một số giải pháp độc đáo cũng mang tính công thức, làm thánh giả hay độc giả chấp nhận ngay và nhớ ngay.

Chẳng hạn, trước câu hỏi “Khi sống lại [người ta] có mấy tuổi? Cùng bao lớn?”, cha Girolamo Maiorica đã có một giải pháp rất độc đáo, thoát đầu tưởng chừng ngây ngô và vô lý, nhưng thực sự có ý nghĩa thần học sâu xa: “Các người ta khi sống lại thì có tuổi bằng ba mươi ba như Đức Chúa Giê-su sống lại xưa” (*TCTGKM*, 87). Ở đây, cha Girolamo Maiorica đã lồng đặc tính quy Kitô vào trong giáo lý cánh chung một cách rất đơn sơ nhưng tài tình và độc đáo. Chúng ta nghe trong câu này phảng phất ý nghĩa của lời thánh Phaolô: “Người...sẽ dùng quyền năng ấy mà biến đổi thân xác yếu hèn của chúng ta nên giống thân xác vinh hiển của Người” (Pl 3,21) hoặc “...chúng ta cũng sẽ được mang hình ảnh Đấng từ trời mà đến” (1Cr 15,49).

Tương tự, khi trả lời câu hỏi “Nhân sao Đức Chúa Giê-su chẳng sống lại chóng mà đợi ba ngày làm chi?”, cha Girolamo Maiorica viết: “Ấy vậy như Đức Chúa Giê-su ở trong kẻ sống ba mươi ba năm, thì cũng ở cùng kẻ chết ba mươi ba giờ nước người” (*TCTGKM*, 53). Không rõ cách tính giờ của cha Girolamo Maiorica có chính xác không, tuy nhiên, khi đặt cái chết của Chúa Giêsu trong tương quan song song với đời sống của Người, cha Girolamo Maiorica đã nhìn cái chết và cuộc đời Chúa Giêsu trong một thể thống nhất và liên tục, và đây là một công việc thần học đúng đắn.

Như vậy, khi dùng con số ba mươi ba – tuổi đời của Chúa Giêsu – như tiêu chuẩn giải đáp các thắc mắc vốn rất khó trả lời liên quan tới thời gian trong thế giới thiêng liêng siêu hình, cha Girolamo Maiorica đã tạo ra một công thức đơn sơ nhưng diễn tả ý nghĩa thần học đúng đắn. Dĩ nhiên, công thức này không nên được hiểu theo nghĩa chữ (ba mươi ba năm hoặc giờ theo nghĩa vật lý), nhưng nó gợi ý một phương pháp đúng đắn cần được áp dụng trong suy tư thần học.

### *Bạn tâm về các thực hành đạo đức*

*TCTGKM* không chỉ là một cuốn giáo lý trình bày các lý thuyết của đức tin, mà còn đề cập đến, hướng dẫn và giải thích ý nghĩa của các thực hành đạo đức. Như vậy, phương pháp huấn giáo của cha Girolamo Maiorica là không chỉ giảng dạy mà còn xây dựng lối sống đạo phù hợp, được đặt nền trên đức tin và nuôi dưỡng đức tin. Ngoài những thí dụ đã đề cập ở trên, sau đây là một số thí dụ khác trong *TCTGKM* liên quan đến việc hướng dẫn hay giải thích các thực hành đạo đức.

Ở *TCTGKM*, 33 có câu: “Nhân sao ta nghe tên Đức Chúa Giê-su thì bái, cùng cất nón, mà nghe tên khác Đức Chúa Trời chẳng có kính làm vậy?”. Câu hỏi này gợi ý rằng thực hành tôn kính tên cực trọng Chúa Giêsu đã xuất hiện trong các nghi thức phụng vụ, trước khi cha Girolamo Maiorica viết những dòng này. Bái kính và cất nón là những hành động của người Tây phương khi tỏ lòng kính thờ và tôn trọng. Như vậy, có thể là tín hữu người Việt đã thấy người Tây phương thực hành các việc này trong các nghi thức phụng vụ, và thắc mắc ý nghĩa

<sup>58</sup> Thí dụ, độc giả có thể xem *CCTr*, 34-35.

của các việc ấy. Câu hỏi này có thể chỉ là biểu hiện của việc cha Girolamo Maiorica nắm bắt nhạy bén những bận tâm của thánh giá hay độc giả (xin xem phần tiếp theo dưới đây), nhưng cũng có thể là gợi ý hướng dẫn thực hành phụng vụ trong các cộng đoàn tín hữu Việt, rập theo phong cách của truyền thống Tây phương.

Ở *TCTGKM*, 48-49, khi kể chuyện Chúa Giêsu hiện ra, nói cho một người biết làm thế nào để giúp Chúa vắc thánh giá, cha Girolamo Maiorica viết: “Lòng con nhớ đến sự thương khó Cha đã chịu xưa cho được chuộc tội con, lỗi tai thì nghe sự cực Cha đã chịu, cật thì hãm mình thì mới giúp Cha là vắc làm vậy”. Đây thực chất là hướng dẫn thực hành nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng, cầu nguyện chiêm niệm và gắn bó với Chúa Giêsu vắc thánh giá. Linh đạo “mến thánh giá” này đã ăn sâu vào trong lòng đạo của các tín hữu Việt, và là lời giải thích cho sự long trọng và cuốn hút của các nghi thức Tuần Thánh trong các cộng đoàn tín hữu Việt.

Ở *TCTGKM*, 114 có câu: “Nhân sao đánh chuông nguyện A-ve một ngày ba lần...?”. Câu này cho thấy phong tục này đã được đưa vào đất Việt từ thế kỷ XVII. Khi giải thích ý nghĩa của phong tục này, *TCTGKM* đã góp phần bảo tồn và duy trì phong tục này trong các cộng đoàn tín hữu Việt cho tới ngày nay.

Bận tâm thứ hai, liên quan tới việc sống đạo còn được thể hiện mạnh mẽ hơn nữa qua một công cụ văn chương khác – các câu chuyện – vốn xuất hiện với tần suất cao trong *TCTGKM*.

### *Chuyện kể*

Những giảng giải trong *TCTGKM* không mang tính suy lý nhiều; cha Girolamo Maiorica đã tránh dùng các khái niệm thần học hay triết học trừu tượng để giải thích các chân lý cao siêu. Bù lại, ngài dùng rất nhiều câu chuyện để gây ấn tượng và khuyến khích độc giả dùng đức tin mà đón nhận và sống các chân lý của đạo thánh. Đích nhắm của các câu chuyện đó không phải là để giúp độc giả hiểu các khoản giáo lý cho bằng giúp họ có tâm tình xác tín, hoán cải và dốc lòng thực thi điều họ đang học. Chính vì bận tâm tới đời sống đạo của độc giả chứ không chỉ nói với “cái đầu” của họ mà cha Girolamo Maiorica đã dành phần lớn cuốn sách cho các câu chuyện. Kể chuyện là một nét trong văn hoá Baroque Tây phương<sup>59</sup>, nhưng cũng rất phù hợp với văn hoá Việt và là một trào lưu khá phổ biến trong văn chương Việt thế kỷ XVII, vốn cũng hay thích dùng những câu chuyện ly kỳ để chuyển tải những sứ điệp thực tế<sup>60</sup>. Các câu chuyện trong *TCTGKM* thường thuộc vào các loại sau:

Trước hết là các câu chuyện kể về người chết sống lại hoặc hiện về, kể lại những gì xảy ra trong thế giới bên kia, cho biết những gì đạo thánh dạy đều là chân thực và hữu ích. Thí dụ như câu chuyện đầu tiên của cuốn sách kể về một bà ở Manila sau khi chết được vài giờ thì sống lại kể rằng được Đức Bà dạy kinh cho và đọc lâu lâu các kinh trước đây không hề thuộc (x. *TCTGKM*, 16-18).

Thứ đến là các câu chuyện kể về các điềm lạ xảy ra trong thế giới này, như là minh chứng cho các mầu nhiệm (Ba Ngôi, Đức Mẹ đồng trinh) hay biến cố thánh trong đạo (Chúa Giêsu ra đời). Thí dụ như các chuyện minh họa cho mầu nhiệm Ba Ngôi: chuyện ba viên ngọc lưu ly giống nhau hoàn toàn, đột nhiên xuất hiện rơi từ nóc nhà thờ xuống, kết lại thành một viên

<sup>59</sup> X. Georg Schwaiger, “Baroque. I. Historical Survey”, trong Karl Rahner and col., eds., *Sacramentum Mundi – An Encyclopedia of Theology*, Vol. 1 (New York: Herder and Herder; London: Burns & Oates, 1968) [bản tiếng Anh được soạn thảo bởi Cornelius Ernst, O.P., Fergus Kerr, O.P. và Kevin Smyth], 148-150. Tuy bài viết của tác giả mang một cái nhìn tiêu cực về văn hoá Baroque, nhưng những mô tả tổng lược về các đặc tính của văn hoá và thần học Baroque cũng khá hữu ích.

<sup>60</sup> Thí dụ như các câu chuyện trong các cuốn *Việt Điện U Linh Tập* (thế kỷ 14), *Lĩnh Nam Chích Quái* (có từ thời nhà Trần, được sửa chữa, trau chuốt và thêm thắt suốt chiều dài lịch sử), *Truyền Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ rất phổ biến từ giữa thế kỷ XVI, đến nỗi có cả một bản giải âm ra tiếng Việt dưới dạng chữ Nôm.

ngọc quý; khi được khảm vào Thánh Giá thì trở nên sáng láng và làm các ngọc khác nảy ra hết (x. *TCTGKM*, 35-36); hoặc chuyện người ta thấy trong trái tim bà thánh Clara sau khi chết có “ba hòn thịt bằng nhau, vì cân hai nén thì nặng bằng một, cân một nặng bằng hai” (*TCTGKM*, 36).

Ngoài ra, còn có các câu chuyện kể về việc Chúa Ba Ngôi, Chúa Giêsu, Đức Mẹ hay các thánh hiện ra và có cả các câu chuyện kể về hoạt động của ma quỷ, hoặc về việc người trần gian thấy được những gì xảy ra ở thế giới “bên kia”.

Như vậy, đặc tính chung của các câu chuyện là thể hiện điểm giao tiếp giữa thế giới “bên kia” – thế giới thiêng liêng của Thiên Chúa, thần thánh, người chết, ma quỷ – và thế giới này. Qua những câu chuyện đó, những gì xảy ra ở thế giới bên kia được tỏ lộ cho con người ở thế giới bên này biết. Và những điều xảy ra đó được mặc định là thực tại, là chân lý mà người trần gian hiếm khi thấy, biết hay chân nhận. Những chân lý này chính là chân lý của đạo thánh Chúa đang được dạy ở đây, trong cuốn *TCTGKM*, xoay quanh các mầu nhiệm chính về Thiên Chúa, Chúa Giêsu, Đức Mẹ, Giáo Hội, và về hậu quả của các tội.

Những câu chuyện dạng này, vốn có sức hấp dẫn đặc biệt đối với tín hữu Việt và vẫn còn rất phổ biến ngày nay, cần được đọc và hiểu theo nghĩa biểu trưng. Đất sống của các câu chuyện là trí tưởng tượng và cảm xúc của độc giả, giá trị của chúng chỉ thực sự được phát huy khi độc giả để trí tưởng tượng được mở rộng và tô màu bởi những tình tiết ly kỳ và để cho cảm xúc tự do dâng trào mà không bị gò ép hay đè nén bởi các phân tích mang tính suy lý.

Những câu chuyện này cũng cần được đọc trong bối cảnh chung của các lời dạy trong toàn cuốn sách, chứ không nên bị tách ra và đọc riêng rẽ. Khi đọc riêng rẽ, chúng dễ gây ấn tượng rằng cha Girolamo Maiorica chủ trương một phương cách huấn giáo mang tính “hù dọa”, gây sợ hãi trong lòng độc giả. Ngược lại, nhiều lần trong cuốn *TCTGKM*, chúng ta thấy cha Girolamo Maiorica nhấn mạnh đến lòng từ bi của Thiên Chúa, Đấng luôn tìm cách tha thứ hơn là trừng phạt. Chẳng hạn ở *TCTGKM*, 123 có câu: “...vì chúng ý Đức Chúa Trời rộng thương hơn phạt, vì thương bởi tính lành vô cùng mà ra, phạt bởi tội mà chớ. Cho nên khi phạt như ép Đức Chúa Trời vậy”. Hơn nữa, cũng có những câu chuyện tuy vẫn thể hiện tính răn đe, nhưng điểm nhấn cuối cùng vẫn là lòng từ bi của Thiên Chúa, như ở *TCTGKM*, 61-62, có câu chuyện nói về việc Chúa Giêsu nói với một giám mục đang mong kẻ có tội bị phạt rằng hãy đóng đinh Người lại vào Thánh Giá, vì Người muốn chịu khổ cho kẻ có tội để họ được rỗi linh hồn. Ở *TCTGKM*, 70-74 có chuyện kể về việc kẻ tội lỗi rất nặng, đã bị Chúa Cha và Chúa Giêsu bỏ, không cứu được, nhưng vẫn có thể được Chúa Thánh Thần cứu khi ăn năn tội.

#### *Bận tâm đến điều thánh giả quan tâm*

Những nét độc đáo của *TCTGKM* không chỉ nằm trong những câu trả lời, mà còn trong cách đặt câu hỏi. Ngoài các câu hỏi mang tính chất gợi ý hay dẫn dụ vào việc giảng giải (thí dụ: “là đi gì?”, “nhân sao?”, “xin giảng...cho tỏ hơn...”<sup>61</sup>, v.v.), cha Girolamo Maiorica còn thêm vào những câu hỏi độc đáo, phản ánh những quan niệm phổ biến nơi người Việt. Những câu hỏi độc đáo cho thấy cha Girolamo Maiorica viết *TCTGKM* sau khi đã có kinh nghiệm giảng dạy giáo lý cho người Việt, nắm bắt và hiểu rõ những bận tâm và thắc mắc của họ. Như vậy, cuốn *TCTGKM* để lộ rõ đặc tính của một nỗ lực thần học khởi đi từ bối cảnh và nói cho bối cảnh, tức là khởi đi từ bận tâm của độc giả hay thánh giả và nói với họ. Để minh họa, chúng tôi xin đưa ra vài thí dụ điển hình.

---

<sup>61</sup> X. *TCTGKM*, 59,66.



Khi nói về việc Thiên Chúa tạo dựng trời đất, cha Girolamo Maiorica thêm vào câu hỏi “Nhân sao rằng dựng nên trời đất mà thôi, Đức Chúa Trời chẳng có dựng nên nước, lửa, là đá, cây cối, người ta cùng muôn vật ru?” (*TCTGKM*, 30). Câu hỏi phản ánh sự phân biệt ngây ngô giữa “trời, đất” và các vật khác; như vậy, trời và đất được hiểu theo nghĩa vật lý và được xem như là hai trong số nhiều vật khác. Dĩ nhiên, để trả lời cho câu hỏi này, cha Girolamo Maiorica đã viết “lấy tên trời vì tóm lại mọi sự ở trên trời, lấy tên đất có ý nói đến mọi sự ở dưới đất...”. Tương tự, khi giảng về Kinh Tại Thiên (Kinh Lạy Cha), cha Girolamo Maiorica thêm câu hỏi: “Sao rằng [Thiên Chúa] ở trên trời chẳng có khắp mọi nơi ru?” (*TCTGKM*, 96). Câu hỏi này phản ánh quan niệm trời như một nơi chôn, là quan niệm rất phổ biến trong tâm thức người Việt, mãi cho đến ngày nay. Dĩ nhiên, để trả lời câu này, cha Girolamo Maiorica nói về “trời thiêng liêng” (*TCTGKM*, 97).

Khi giảng giải việc Đức Bà Maria chịu thai Chúa Giêsu bởi phép Chúa Thánh Thần, cha Girolamo Maiorica thêm câu hỏi: “Nếu Đức Chúa Phi-ri-tô San-tô làm việc trọng ấy thì gọi Đức Chúa Phi-ri-tô San-tô là Cha Đức Chúa Giê-su nên chăng?” (*TCTGKM*, 38). Câu hỏi này phản ánh thắc mắc bình dân, rất phổ biến và tự nhiên của những người lần đầu nghe nói về mầu nhiệm Chúa Con làm người và Đức Mẹ chịu thai đồng trinh. Để trả lời câu hỏi này, cha Girolamo Maiorica đã phân biệt giữa “lấy tính mình mà cho con” (trong trường hợp cha sinh ra con) và “làm nên” một vật gì đó từ các chất liệu có sẵn (trong trường hợp chế tác: tác giả, thợ). Công việc của Chúa Thánh Thần là “lấy máu sạch Đức Bà mà dựng nên xác Đức Chúa Giêsu, thì chẳng có lấy tính mình mà cho” (*TCTGKM*, 39), nên không được gọi là Cha của Chúa Giêsu.

Ngoài ra, còn có những câu hỏi khác vẫn còn mang tính thời sự mà tín hữu người Việt ngày nay vẫn còn hay thắc mắc: Chúa Giêsu là Thiên Chúa, sao lại chết được? (*TCTGKM*, 46); Chúa Giêsu đã đền tội thay cho mọi người, có sao vẫn còn nhiều kẻ mất linh hồn, và ai cũng phải đền tội riêng? (*TCTGKM*, 46-47); Chúa Giêsu sống lại sau ba ngày, hay là vào ngày thứ ba? (*TCTGKM*, 52); tại sao mỗi người đã được phán xét riêng sau khi chết rồi lại còn chịu phán xét chung nữa? (*TCTGKM*, 63-64); tại sao vẽ Chúa Thánh Thần như chim bồ câu? (*TCTGKM*, 68); tại sao gọi Giáo Hội là thánh thiện trong khi có nhiều tín hữu tội lỗi? (*TCTGKM*, 77); v.v.

Mỗi bận tâm thứ ba, đặt độc giả và não trạng của họ làm trọng tâm, còn được thể hiện bằng một công cụ văn chương mà đặc điểm của nó là giải thích chân lý đức tin bằng các thí dụ hay so sánh lấy từ đời sống hằng ngày của độc giả.

### *So sánh, thí dụ*

Đây cũng là nét độc đáo của *TCTGKM*: cha Girolamo Maiorica dùng các kinh nghiệm, thói tục hay nếp sống địa phương thay vì các khái niệm triết học để giúp độc giả hiểu các mầu nhiệm đức tin.

Phương pháp này đưa độc giả trở về với những sự vật, sự kiện, kinh nghiệm quen thuộc trong đời sống thường nhật của họ; bất ngờ làm cho họ ý thức về điều họ vẫn biết, tức mở rộng ý thức của họ đi vào chiều sâu của thực tại quen thuộc; rồi liên hệ điều đã được ý thức đó với mầu nhiệm đức tin, để độc giả thấy rằng mầu nhiệm đức tin không lạ lẫm hay vô lý, nhưng rất phù hợp với kinh nghiệm nhân sinh ở bề sâu của nó. Đây là phương cách *TCTGKM* đưa mầu nhiệm về gần với đời thường bằng cách làm cho độc giả ý thức rằng cuộc sống chứa đựng sẵn các mầu nhiệm và luôn mở ra với mầu nhiệm. Các thí dụ trong cuốn *TCTGKM*, đôi khi được gọi rõ là thí dụ, nhưng nhiều khi chỉ được dẫn vào bằng chữ “như”, thường thuộc vào các loại sau:

Các thí dụ liên quan tới nghề nghiệp, như nghề nông (x. *TCTGKM*, 38), nghề mộc (x. *TCTGKM*, 38), nghề làm nhà (x. *TCTGKM*, 16), v.v. Chẳng hạn, thí dụ “thợ mộc làm nên nhà thì chẳng được gọi là cha nhà” (*TCTGKM*, 38) được dùng để giải thích tại sao Chúa Thánh Thần không được gọi là Cha của Chúa Giêsu.

Các thí dụ liên quan tới đời sống hằng ngày, như việc soi gương (x. *TCTGKM*, 31), mặc áo (x. *TCTGKM*, 40, 59, 91), uống thuốc (x. *TCTGKM*, 132) và vật dụng hàng ngày như vò nước (x. *TCTGKM*, 111), v.v. Chẳng hạn, thí dụ soi gương được dùng để giải thích Chúa Cha sinh ra Chúa Con đồng thời với Minh, hoàn toàn giống Minh, cùng bản tính với Minh như thế nào (x. *TCTGKM*, 31).

Các thí dụ liên quan tới tương quan xã hội, giữa người với người (x. *TCTGKM*, 20, 67), vua chúa với quan (x. *TCTGKM*, 59, 109), tướng, quan với dân (x. *TCTGKM*, 29, 45), chủ nợ với con nợ (x. *TCTGKM*, 47-48, 104-105), anh em trong nhà (x. *TCTGKM*, 91), v.v. Chẳng hạn, thí dụ áo vua ngồi trên ngai thì cao hơn quan văn võ ở dưới, chẳng phải vì vải trọng hơn người, nhưng vì áo vua làm một cùng vua (x. *TCTGKM*, 59) được dùng để giải thích nhân tính Chúa Giêsu kết hợp làm một với Ngôi Hai Thiên Chúa cao cả thế nào.

Các thí dụ về tự nhiên, liên quan tới cơ thể con người (x. *TCTGKM*, 30, 77), sông ngòi (x. *TCTGKM*, 66), cây cối (x. *TCTGKM*, 78, 113), v.v. Chẳng hạn, thí dụ miệng ăn xác lạnh (x. *TCTGKM*, 77) được dùng để giải thích mâu thuẫn thông công giữa mọi thành phần trong Giáo Hội; hoặc thí dụ trái tốt là do cây tốt (x. *TCTGKM*, 113) được dùng để giải thích lời khen Chúa Giêsu có phúc cũng là khen Đức Mẹ có phúc.

#### 4. Ngôn ngữ biểu trưng, chân lý đức tin và văn hoá Việt

Trên đây chúng ta đã thấy các điểm độc đáo của *TCTGKM* trong đó có việc sử dụng ba hình thức hay công cụ văn chương có tính biểu trưng<sup>62</sup>. Trong phần này của bài viết, chúng tôi tập trung suy tư và phân tích ba công cụ văn chương đó như được sử dụng trong *TCTGKM*, sau khi lướt qua những khám phá về ý nghĩa và tầm quan trọng của ngôn ngữ biểu trưng trong đời sống, ngôn ngữ con người nói chung và trong thần học, được hiểu như là diễn từ của kinh nghiệm về Thiên Chúa, nói riêng.

##### *Vai trò của ngôn ngữ biểu trưng*

Cả ba công cụ văn chương công thức hoá, chuyện kể, thí dụ như được sử dụng trong *TCTGKM* đều mang tính biểu trưng; chúng không nhằm mô tả hay chứng minh các chân lý đức tin nhưng khơi gợi những cách thế khả dĩ để hiểu các chân lý đó. Khi tiếp xúc với các công cụ văn chương này, độc giả thời nay, ít nhất là thoát đầu, sẽ có cảm tưởng đây là cách thức giảng dạy ngây ngô và có khuynh hướng xem nhẹ nó như là một thứ đã thuộc về quá khứ không còn thích hợp cho ngày nay. Thế nhưng, có lẽ lược qua những điều mà các học giả nói về vai trò và giá trị của biểu tượng, ẩn dụ và chuyện kể sẽ giúp chúng ta hiểu giá trị của ngôn

<sup>62</sup> Khi nói đến “ngôn ngữ có tính biểu trưng”, chúng tôi có ý nói về mọi hình thức hay công cụ văn chương diễn tả ý nghĩa bằng cách khơi gợi hơn là lý luận, mô tả hay chứng minh. Từ nguyên Hán Việt có thể ủng hộ cho nghĩa này của từ ghép “biểu trưng”: biểu (表): tỏ rõ, nêu rõ, bày tỏ (Trần Văn Chánh, *Từ Điển Hán Việt* [Tp. HCM: NXB Trẻ, 1999], 1806); trưng (徵): điểm, dấu hiệu (*Sđđ*, 734). Vậy, “biểu trưng” có thể mang nghĩa “bày tỏ hay diễn tả điều gì đó qua việc trở nên dấu hiệu cho điều đó”. Ngoài ra, nghĩa trong tiếng Việt hiện đại của từ này cũng gần với nghĩa mà chúng tôi quan niệm: “biểu trưng: biểu hiện một cách tượng trưng và tiêu biểu nhất” (Viện Ngôn Ngữ Học, *Từ Điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê chủ biên [Hà Nội, Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng, Trung Tâm Từ Điển Học, 2002], 66).

ngữ biểu trưng nói chung và của ba công cụ văn chương này (công thức hoá, chuyện kể, thí dụ) nói riêng.

Theo tác giả Michael L. Cook<sup>63</sup> thì biểu tượng, ẩn dụ và chuyện kể là những yếu tố quan trọng, nằm ở trung tâm của đời sống, kinh nghiệm và ý thức của con người<sup>64</sup>. Kinh nghiệm của con người luôn là một kinh nghiệm đã được hiểu và được giải thích, tức là khi kinh nghiệm cái gì thì con người luôn kinh nghiệm nó như có ý nghĩa đối với mình. Như vậy, con người luôn kinh nghiệm về thế giới (bao gồm chính mình) qua các kênh chuyển tải ý nghĩa. Vì thế, từ khi hình thành ý thức và tự ý thức, tự bản chất, con người là “động vật tạo ra biểu tượng”<sup>65</sup>; các biểu tượng này được thấy rõ nơi ngôn ngữ, cử chỉ, vật thủ công, v.v. vốn là những kênh chuyển tải ý nghĩa. Sâu xa hơn nữa, con người, với tư cách là tinh thần hiện thể (tức hiện hữu trong hai chiều kích tâm linh và thể lý), luôn hiện hữu một cách biểu tượng<sup>66</sup>. Như vậy từ lúc bắt đầu hiện hữu, kinh nghiệm của con người về thế giới luôn là một kinh nghiệm mang tính biểu tượng. Nói cách khác, kinh nghiệm biểu tượng có gốc rễ từ chính hiện hữu và cuộc sống con người.

Tác giả nói theo Paul Ricoeur rằng, khi kinh nghiệm biểu tượng được diễn tả, nó mang hình thức ẩn dụ; về phần mình, ẩn dụ làm sáng tỏ điều mà biểu tượng hàm ý bằng cách áp dụng nó cho một chủ thể đặc thù<sup>67</sup>. Trong hành vi tạo ra ẩn dụ có một sự tương tượng sáng tạo, khám phá một cách bất ngờ mối tương quan mới, có tính tương đồng giữa hai thực tại vốn vẫn được nghĩ như là khác biệt<sup>68</sup>. Có những loại ẩn dụ không thể được “phiên dịch” thành những khẳng định chính xác mà không đánh mất nội dung nhận thức của chúng<sup>69</sup>. Nếu chúng ta cố gắng giải thích ẩn dụ bằng ngôn ngữ chính xác, mạch lạc của khoa học hay triết học, chúng ta sẽ đánh mất ý nghĩa và khả năng chuyển tải trực quan của chúng. Hơn nữa, ẩn dụ còn giúp chúng ta kinh nghiệm thực tại chứ không chỉ mô tả kinh nghiệm của chúng ta<sup>70</sup>.

Đặc biệt, khi nói về Thiên Chúa thì chúng ta không thể không dùng ẩn dụ. “Những khẳng định về hữu thể và hoạt động của Thiên Chúa sẽ rất khô cứng và trừu tượng nếu chúng ta không diễn tả bằng nhiều loại ẩn dụ khác nhau việc Thiên Chúa yêu thương, tha thứ và nuôi dưỡng chúng ta thế nào”<sup>71</sup>.

Nếu như ẩn dụ là diễn tả của biểu tượng vốn nằm rất sâu trong ý thức con người, thì chuyện kể đóng vai trò mặc ý nghĩa cho ẩn dụ<sup>72</sup>. Ý nghĩa của ẩn dụ sẽ mơ hồ nếu không được chuyện

<sup>63</sup> X. Michael L. Cook, *Christology as Narrative Quest* (Collegeville, Minnesota: the Liturgical Press, 1997), 29-66. Tác giả viết dựa trên các suy tư mang tính khai sáng của các tác giả lừng danh khác như Paul Ricoeur, Bernard Lonergan, Bernard J. Cooke, v.v. Vì giới hạn của bài viết, chúng tôi chỉ xin dừng lại ở việc trình bày các ý tưởng mang tính tổng hợp của tác giả.

<sup>64</sup> X. *Sđd*, 30-31.

<sup>65</sup> *Sđd*, 32.

<sup>66</sup> X. *Sđd*, 33. Karl Rahner còn đi xa hơn, cho rằng mọi hữu thể, tự bản chất, là có tính biểu tượng, vì chúng cần diễn tả chính mình để đạt được bản tính của mình; mỗi hữu thể, để được kiện toàn thì đều cần thiết phải hình thành cái khác nó nhưng vẫn là một với nó; và cái khác này (mà K. Rahner gọi là thực tại biểu tượng, vốn vẫn là một với hữu thể đó) là diễn tả hay là biểu tượng của hữu thể đó. Vì thế, mọi hữu thể, vì hiện hữu nên cần thiết phải diễn tả chính mình; hay nói cách khác, mọi hữu thể đều mang tính biểu tượng, vì đều là một thực tại biểu tượng (x. Karl Rahner, *Theological Investigations*, Vol. IV, trans. Kevin Smyth (London: Darton, Longman & Todd; Baltimore: Helicon Press, 1966), 224tt.

<sup>67</sup> X. *Sđd*, 34.

<sup>68</sup> X. *Sđd*, 34.

<sup>69</sup> X. *Sđd*, 34-35.

<sup>70</sup> X. *Sđd*, 35.

<sup>71</sup> *Sđd*, 38.

<sup>72</sup> X. *Sđd*, 31.

kể soi sáng và định hình. Với sức ảnh hưởng mang tính ẩn dụ, chuyện kể đóng vai trò trung tâm trong kinh nghiệm và ngôn ngữ con người. Tác giả cổ vũ cho việc phục hồi nghệ thuật kể chuyện vốn đang bị kỹ nghệ, triết học, khoa học và ngay cả văn chương hiện đại làm phai mờ và biến mất<sup>73</sup>.

Như vậy, theo tác giả Michael L. Cook, ẩn dụ và chuyện kể chiếm vị trí trung tâm trong đời sống và ngôn ngữ con người vì chúng phản ánh bản tính biểu tượng của chính hiện hữu con người. Từ kết luận đó, chúng ta có thể suy diễn thêm rằng, mọi dạng ngôn ngữ mang tính biểu trưng đều đóng vai trò trung tâm trong việc diễn tả những thực tại sâu xa của đời sống, vì những dạng ngôn ngữ đó cận kề và phản ánh trung thực bản tính biểu tượng của con người. Một cách cụ thể, trong trường hợp của cuốn *TCTGKM*, giá trị của các dạng công thức, chuyện kể và thí dụ nằm ở chỗ chúng phản ánh căn tính biểu tượng của kinh nghiệm đức tin.

Ngoài ra, các dạng công thức và thí dụ trong *TCTGKM* thực chất cũng là những ẩn dụ, theo định nghĩa của tác giả Michael L. Cook. Nếu “ẩn dụ ... được đặt nền trên khả năng tương tượng mang tính loại suy để có thể thực hiện một phán quyết  $A=B$ ”<sup>74</sup>, và hành vi ẩn dụ là hành vi nối kết, nhận ra sự tương đồng giữa những vật có vẻ bất tương đồng, thì chúng ta dễ dàng thấy rằng các dạng công thức và thí dụ trong *TCTGKM* đều mang tính ẩn dụ. Việc công thức hoá nối kết nội dung giáo lý với một dạng công thức ý niệm hay ngôn ngữ hoặc cho thấy mối tương quan giữa các chân lý đức tin tương đồng với mối tương quan giữa các thành phần của công thức; còn các thí dụ thì hiển nhiên là nối kết các chân lý đức tin với kinh nghiệm đời thường.

Với đặc tính ẩn dụ, các dạng công thức, chuyện kể và thí dụ, như đã nói ở trên, không nhằm mô tả nhưng nhằm khơi gợi ý nghĩa, cách hiểu và chuyển tải trực quan về các chân lý đức tin. Vì thế, các công thức và thí dụ không nên được hiểu theo nghĩa đen hay nghĩa chữ; giá trị của chúng nằm ở sức ảnh hưởng mang tính ẩn dụ, tức ở sự khơi gợi, mời gọi và tạo điều kiện cho độc giả hoặc thính giả có trực quan về ý nghĩa của điều cần chuyển tải.

#### *Ý nghĩa và vai trò của chuyện kể và thí dụ*

Sau khi thấy được vai trò của ngôn ngữ biểu trưng nói chung và của các dạng công thức, chuyện kể và thí dụ (trong *TCTGKM*) nói riêng – một vai trò được xây dựng trên mối liên hệ với biểu tượng tính của con người – chúng ta thử tìm hiểu xem chuyện kể và thí dụ như được sử dụng cách cụ thể trong *TCTGKM*<sup>75</sup> có ý nghĩa và giá trị gì đối với não trạng người Việt. Việc tìm hiểu này không chỉ cho thấy giá trị của chuyện kể và thí dụ nói chung trong việc giảng dạy giáo lý, mà còn cho thấy chúng phù hợp và đáp ứng não trạng người Việt thế nào.

#### *Chuyện kể*

Như trên đã nói, phần lớn các chuyện kể trong *TCTGKM* liên quan tới người chết, ma quỷ, thần thánh, mà những câu chuyện dạng này rất được ưa chuộng và phổ biến trong cộng đồng người Việt thế kỷ XVII và ngay cả ngày nay<sup>76</sup>. Chúng ta nên hiểu ý nghĩa của dữ kiện này thế nào?

Trước hết chúng ta cần lưu ý rằng khi nghe những câu chuyện này, người ta không đặt vấn đề về tính chính xác và thực hư của các tình tiết mà chú ý tới thông điệp đang được chuyển tải.

<sup>73</sup> X. *Sđd*, 29-31.

<sup>74</sup> *Sđd*, 38.

<sup>75</sup> Đặc tính biểu trưng và giá trị của các dạng công thức đã được đề cập đến trong phần liệt kê các dạng công thức ở trên.

<sup>76</sup> Xin xem chú thích 60 ở trên. Một trong những dấu vết của sự phổ biến cho tới ngày nay của các câu chuyện dạng này còn được thấy nơi bộ sách *Tân Truyền Kỳ Việt Nam* (NXB Thanh niên, 2006) gồm ba tập của Toàn Ảnh.

Các câu chuyện đó có thể được kể lại với những chi tiết, biến tấu khác, nhưng vẫn được coi là cùng một chuyện, nếu chuyển tải cùng một thông điệp.

Tình trạng phổ biến của việc dùng những câu chuyện có vẻ mang tính “hoang đường, ma mị” như thế này khi cần phải chuyển tải các thông điệp xã hội, luân lý và tôn giáo cho thấy rằng, đối với người Việt, những chuyện loại này cung cấp một cái nhìn khách quan, toàn cục về thế giới, cuộc sống và con người. Đối với độc giả người Việt, nếu người chết, tức người thế giới bên kia, hiện về nói điều gì thì điều đó là đúng, vì họ có cái nhìn toàn diện hơn người sống, vốn chỉ nhìn thế giới từ góc độ bên này của thế giới.

Khi bàn về ý nghĩa cuộc sống, về con người, thế giới và nguyên lý của nó, những câu chuyện loại này gợi lên trong tâm trí của độc/thính giả những tưởng tượng mang tính tôn giáo. Những chuyện kể về ma thần, người chết nói lên mối liên hệ giữa các thành phần của toàn thế giới trong tất cả chiều sâu của nó. Người Việt không chỉ chú ý tới bề mặt hiện tượng, mang tính khách quan, vô ngã vị của thế giới. Thế giới là một toàn thể sống động, trong đó mọi thành phần (thần linh, con người, thiên nhiên, quá khứ, hiện tại, tương lai) tương tác lẫn nhau và mối tương quan hài hoà là một điều cần thiết.

Như vậy, cha Girolamo Maiorica đã không coi các câu chuyện đó là hoang đường hay mê tín, nhưng dùng lại cấu trúc, năng động của chúng, thay vào những chi tiết khác để chuyển tải không chỉ bài học mà còn đặc biệt là tâm tình đức tin. Vẫn là những âm hồn, vẫn là những thế giới của người sống, người chết, của quý ma, v.v., nhưng cha Girolamo Maiorica đã trù lên bức tranh đó một gam màu khác, và đặt hệ thống các thế giới tương tác lẫn nhau đó dưới quyền tối thượng của Thiên Chúa.

Đức tin Kitô giáo đóng vai trò như gam màu, biến đổi cảm nhận về bức tranh thế giới; và như nguyên lý lý tính, soi sáng rõ ràng hơn mối liên hệ giữa các thành phần của thế giới. Nếu không có đức tin tôn giáo, gam màu bình thường của các câu chuyện vốn ít lý tính đó mang vẻ u tối, gây sợ sệt, ảo huyền; đó là lý do tại sao chúng thường bị coi là mê tín dị đoan. Nhưng có thể nói thế giới quan đó diễn tả một trực giác sâu xa mang tính tôn giáo, vẫn đang trần trở đi tìm lý tính cho mình và vì thế mà vẫn còn tính hấp dẫn cho tới ngày nay.

Như vậy, cha Girolamo Maiorica vẫn trân trọng, giữ lại và phát huy tâm thức, thế giới quan đó của người Việt, đưa họ vào mạng lưới tương quan hiện sinh của con người trong và với thế giới như một toàn thể, nhưng là một thế giới từ nay nhận được ý nghĩa sáng tỏ, toàn diện và chung cục nhờ con mắt đức tin Kitô giáo. Cách nhìn về thế giới vẫn là cách nhìn đầy tính Việt, nhưng ý nghĩa nhận ra được đã được đổi mới bởi gam màu và lý tính của đức tin Kitô giáo.

### *Thí dụ*

Khi không ngần ngại dùng ngay những kinh nghiệm đời thường để giải thích giáo lý, cha Girolamo Maiorica đã không coi những thí dụ bình dân là bất xứng với các giáo lý cao siêu, không quá e ngại việc có thể gây hiểu sai các khái niệm thần học. Đa số các thí dụ đều mang tính minh họa, giải thích một khía cạnh của một khoản giáo lý đặc thù, chứ không nhằm thay thế hay trình bày toàn bộ các khía cạnh liên quan tới khoản giáo lý đó. Cha Girolamo Maiorica biết đâu là điểm khúc mắc mà thính/độc giả gặp phải liên quan tới một chân lý đức tin nào đó và đưa thí dụ để nhằm giải thích chính khúc mắc đó mà thôi, chứ không nhằm trình bày một lý thuyết mới hay khái niệm tương đương. Vì thế, về “khập khiễng” là đặc tính bình thường và không nên được xem là khiếm khuyết của thí dụ.

Các thí dụ cho phép cha Girolamo Maiorica không cần phải trình bày các khái niệm mang tính triết học xa lạ với não trạng người Việt, hoặc quá “cao vời” (mà, đối với ngài, cũng có nghĩa là không cần thiết) đối với người bình dân. Lý do gì đã khiến cha Girolamo Maiorica



manh dạn dùng các thí dụ thay vì phải nại đến các khái niệm chính xác? Những điều trình bày ở trên về ẩn dụ soi sáng cho ta hiểu lý do của việc này. Các thí dụ, vốn rõ ràng mang đặc tính ẩn dụ, cung cấp một cái hiểu trực quan về điều được so sánh, điều mà lý luận hay ngôn ngữ khái niệm không phải lúc nào cũng làm được. Bằng cách này, cha Girolamo Maiorica đã có thể hoàn thành công việc thông truyền giáo lý đức tin mà không phải đi qua trung gian của việc giảng dạy các khái niệm hay một hệ thống triết học đặc thù nào.

Việc sử dụng các thí dụ không có nghĩa là cha Girolamo Maiorica phớt lờ hay xem nhẹ các lý giải thần học mang tính khái niệm. Thực ra, sâu xa bên dưới, việc hiểu các chân lý đức tin vẫn được xây dựng trên các khái niệm và hệ thống tư tưởng thần học đương thời (tức thần học Kinh Viện thời cha Girolamo Maiorica). Chính hệ tư tưởng thần học quy định và hướng dẫn cách thức mà thí dụ được chọn lựa và áp dụng để minh họa hay giải thích một chân lý đức tin.

Như vậy, sự sáng tạo của việc sử dụng các thí dụ đặt nền trên việc nắm chắc chân lý đức tin, ngay cả ở cấp độ diễn tả thần học của nó; được thay thế bằng việc nắm bắt não trạng của thánh/độc giả, tìm ra đâu là khúc mắc mà họ gặp phải liên quan tới chân lý đức tin đó; rồi được thực hiện bằng việc chọn lựa và liên kết một kinh nghiệm đời thường với một khía cạnh của chân lý đức tin. Chúng ta thử đi vào phân tích một thí dụ để thấy rõ các đặc tính và năng động này của các thí dụ trong việc minh họa và truyền tải giáo lý đức tin.

Ở *TCTGKM*, 31, thí dụ soi gương được dùng để giải thích Chúa Cha sinh ra Chúa Con đồng thời với Mình, hoàn toàn giống Mình, cùng bản tính với Mình như thế nào. Giải thích của cha Girolamo Maiorica dựa trên giáo lý của công đồng Trentô, vốn lại dựa vào cách giải thích của thánh Tôma Aquinô<sup>77</sup>. Giáo lý của công đồng Trentô cho rằng để làm sáng tỏ khái niệm “nhiệm sinh vĩnh cửu” thì so sánh sau là hiệu quả nhất: khi tâm trí nhìn vào chính mình và hiểu mình thì hình thành một hình ảnh về chính mình; tương tự như thế, khi Thiên Chúa hiểu chính Mình (điều luôn xảy ra từ vĩnh cửu và một cách tuyệt đối) thì Ngài sinh ra Ngôi Lời vĩnh cửu<sup>78</sup>.

Khi giải thích mối tương quan giữa Chúa Cha và Chúa Con, bận tâm của cha Girolamo Maiorica là thánh/độc giả có thể hiểu lầm rằng Cha sinh ra Con như người thế gian, như các câu chuyện huyền thoại dân gian về thần thánh. Vì thế, ngài mới phải nại đến cách giải thích của thần học Kinh Viện. Nhưng sự sáng tạo của cha Girolamo Maiorica nằm ở chỗ ngài không cần đề cập đến chính khái niệm *nhiệm sinh* cũng như thí dụ mà thánh Tôma và công đồng Trentô đưa ra, vốn cũng rất trừu tượng đối với não trạng người dân Việt<sup>79</sup>. Thay vì phải nại đến khái niệm Ý Thức Thuần Tuý Vô Biên đầy tính trừu tượng hay đến việc trí khôn suy nghĩ về và hiểu chính nó, cha Girolamo Maiorica đã dùng hình ảnh “soi gương” rất đời thường nhưng cũng khá tương đồng với thí dụ mà thánh Tôma và công đồng Trentô dùng.

<sup>77</sup> X. *Summa Theologiae* I, q.27, a.1-2. Ở đây, thánh Tôma dùng các khái niệm *nhiệm xuất* (*processio*, *procedere*) và *nhiệm sinh* (*generatio*, *generare*) để giải thích mối tương quan giữa Ngôi Cha và Ngôi Con. Chính thánh Tôma dùng thí dụ trí khôn trừu tượng ra một ý niệm để minh họa cho việc nên hiểu Ngôi Cha nhiệm xuất (nhiệm sinh) ra Ngôi Con thế nào.

<sup>78</sup> X. *CCTr*, 36.

<sup>79</sup> Để thấy rõ tính phức tạp và trừu tượng của thí dụ đó, chúng ta thử quảng diễn cách thần học Kinh Viện áp dụng nó vào mối tương quan giữa Ngôi Cha và Ngôi Con như sau: Bản chất của Ngôi Cha (bản chất TC) là thuần ý, mà Cha không thể nghĩ về gì thấp hơn chính Mình, nên chỉ có một đối tượng xứng đáng với Ý Thức Thuần Tuý của Cha là chính Ngôi Cha. Nhưng khi “nghĩ” về Mình, Ý Thức đó có một Hình Ảnh về chính Mình, phân biệt với chính Mình, nhưng giống y chang như chính Mình. Hình Ảnh đó là Ngôi Con. Ý Thức của Cha là thuần tuý, nên ý thức về Mình như chính Mình là, không hề có sai sót, khác lạ. Tức Ý Thức đó và Hình Ảnh mà Ý Thức đó có về chính Mình là y như nhau về bản thể... Lý giải này thật trừu tượng và khó hiểu với người bình dân. Người VN chỉ quen với khái niệm về ai đó suy nghĩ chứ không quen với khái niệm về chính suy nghĩ. Bây giờ phải quan niệm Ngôi Cha như là Ý Thức Thuần Tuý thì thật là khó.

Việc soi gương tạo ra ngay tức khắc một hình bóng hoàn toàn giống y như chủ thể, cả về cử điệu. Nhưng làm sao có được sự đồng nhất về bản thể giữa bóng và người thật, điều mà khái niệm Ý Thức Thuần Tuý có thể diễn tả được? Cha Girolamo Maiorica giải quyết đơn giản bằng một khẳng định rằng Thiên Chúa khác những gì ta kinh nghiệm trong thế giới này: “Đức Chúa Trời cho bóng ấy tính Minh, là sự ta làm chẳng được”; hơn nữa, “Đức Chúa Cha hằng soi mình, thì hằng có sinh ra Con làm vậy” (*TCTGKM*, 32).

Như thế, thí dụ soi gương diễn tả được các khía cạnh sau của mối tương quan giữa Ngôi Cha và Ngôi Con: Cha Con giống nhau, bằng nhau, cùng vĩnh cửu như nhau. Nào trạng người Việt không đặt vấn đề về bản thể, không thắc mắc tại sao Cha có thể ban tính Minh cho bóng của Minh trong gương được (điều mà Ý Thức Thuần Tuý giải thích được). Có lẽ họ chỉ cần giải đáp những vấn nạn: Cha sinh ra Con mà không giống người thế gian là thế nào? Làm thế nào mà Cha và Con giống nhau và bằng nhau? Làm thế nào mà Cha sinh ra Con, mà Con vẫn hằng có cùng với Cha từ vĩnh cửu? Thí dụ soi gương có thể giải đáp các vấn nạn này.

### *Tiểu kết*

Chúng ta vừa thử tìm hiểu, dưới ánh sáng của những nghiên cứu triết học về vai trò của ẩn dụ và chuyện kể, ý nghĩa và giá trị của ba công cụ văn chương có tính biểu trưng được sử dụng trong *TCTGKM*. Những công cụ này có những ý nghĩa và giá trị độc đáo nhưng có tính tương đối, hiểu theo nghĩa chúng phải được đón nhận, đọc và hiểu trong và với những điều kiện nhất định. Đặc tính biểu trưng và ẩn dụ của chúng cần phải được để ý và duy trì như một điều kiện thông diễn thiết yếu để hiểu nội dung chúng nhằm chuyển tải.

Việc nhìn ra giá trị của các công cụ văn chương này không có nghĩa chúng ta cần phải áp dụng chúng trong việc dạy giáo lý hoặc giảng giải thần học, đúng hoàn toàn theo cách mà cha Girolamo Maiorica đã làm. Nhưng ít ra việc này cũng gợi ý rằng việc sử dụng những công cụ đơn giản nhưng hiệu quả hoàn toàn có thể là một cách tiếp cận tốt cho việc truyền giảng Tin Mừng.

Về việc công thức hoá, chúng ta có thể hỏi xem đâu là những dạng công thức tóm kết nội dung, những dạng công thức ngôn ngữ và những dạng công thức liên hệ các màu nhiệm đức tin với nhau mà ta có thể sử dụng ngày nay. Khi công thức hoá, chúng ta cần để ý đến những con số “linh thiêng”, “may mắn” hoặc “cấm kỵ” đối với não trạng người Việt. Việc này đòi hỏi một sự sáng tạo nhất định đặt nền trên một kiến thức nhất định về ca dao tục ngữ cũng như các câu văn kinh điển của Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo.

Về chuyện kể, bài học rút ra từ *TCTGKM* không nhất thiết là chúng ta cần kể lại các câu chuyện thần tiên, ma quỷ, vốn có thể bị coi là hoang đường, trong các bài giảng giáo lý. Nhưng ta có thể hỏi xem người Việt ngày nay quan niệm thế nào về thế giới và về con người; đâu là những “câu chuyện” giúp thể hiện và chuyển tải thế giới quan đó; những “câu chuyện” đó có thể được phủ gam màu và lý tính Kitô giáo thế nào. Những câu chuyện hiện đại có thể mang nhiều dạng thức khác nhau, liên quan đến ý thức hệ (vd: cộng sản/tư bản), các vấn đề của toàn cầu hoá (vd: nhân quyền, bản sắc dân tộc), chủ nghĩa tiêu thụ (vd: con người và hàng hoá), v.v.

Về thí dụ, chúng ta có thể xét đâu là những kinh nghiệm đời thường giúp minh hoạ và giải đáp các thắc mắc về chân lý đức tin. Ngoài những hình ảnh nông nghiệp, sản xuất, xây dựng và các hình ảnh liên quan tới ngành nghề sinh nhai vẫn còn có thể có hiệu lực, chúng ta có thể để ý đến những hình ảnh mới liên quan đến truyền thông, mạng xã hội, v.v. Điều này đòi hỏi người dạy giáo lý phải đi sâu sát và tham gia vào đời sống của thánh giả và vận dụng óc sáng tạo để liên hệ chân lý đức tin với kinh nghiệm sống đó.

Những câu hỏi trên gợi mở hướng áp dụng các công cụ công thức hoá, chuyện kể và thí dụ vào việc giảng giải giáo lý. Việc giải đáp những câu hỏi đó đòi hỏi sự thâm hiểu não trạng, văn hoá của người Việt đương thời, đồng thời đòi hỏi sự sáng tạo sắc bén được thai nghén bằng suy tư cũng như được vận dụng và thử nghiệm trong một quãng thời gian đủ dài.

## Kết luận

Năm Thánh này là năm để anh em Giêsu hữu và các thân hữu “uống nước nhớ nguồn”, tìm về cội nguồn đức tin của mình để tri ân Thiên Chúa và các bậc tiền nhân đã gieo vãi hạt giống Tin Mừng trên đất Việt. Nhưng quả thật “vô tri bất khả mộ”, nhiều bậc thừa sai vĩ đại, cụ thể là cha Girolamo Maiorica, chưa được biết đến cách rộng rãi cũng như chưa được mộ mến và biết ơn.

Qua việc sưu tầm tìm hiểu về cha Girolamo Maiorica, bài viết này góp phần nhỏ bé vào việc đưa ra ánh sáng nhân cách và công trình của một vị tiền nhân âm thầm nhưng đã có công lớn trong việc gây dựng nền tảng vững chắc và lâu bền cho Giáo Hội Việt Nam.

Qua việc phân tích các điểm độc đáo của tác phẩm đầu tay của cha Girolamo Maiorica, đặc biệt là thử tìm hiểu ý nghĩa và giá trị của ba công cụ văn chương có tính biểu trưng, bài viết này thử trình bày những nguyên nhân sâu xa giải thích cho sự thành công của cha Girolamo Maiorica nói chung và của *TCTGKM* nói riêng trong việc truyền giảng Tin Mừng cho người Việt bình dân. Ngoài ra, việc trình bày này cũng gợi mở những phương cách cụ thể, đơn giản nhưng không kém phần đòi hỏi về mặt hội nhập, thích nghi và sáng tạo.

## Tài Liệu Tham Khảo Chính

COOK, Michael L. *Christology as Narrative Quest*. Collegeville, Minnesota: the Liturgical Press, 1997.

ĐỖ Quang Chính. *Dòng Tên trong Xã Hội Đại Việt 1615-1773*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008.

NGUYỄN Thị Tú Mai. *Chữ Nôm và Tiếng Việt Thế Kỷ XVII qua Thiên Chúa Thánh Giáo Khai Mông của Jeronimo Maiorica*. Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012.

OSTROWSKI, Brian Eugene. *The Nôm Works of Geronimo Maiorica, S.J. (1589-1656) and their Christology*. Luận án Tiến sĩ, Cornell University, 2006.

## Phụ Lục

### Một số tài liệu viết về cha Girolamo Maiorica và các tác phẩm của ngài

HOÀNG Xuân Hãn. “Girolamo Maiorica: Ses oeuvres en langue vietnamienne conservées à la Bibliothèque Nationale de Paris”. Trong *Archivum Historicum Societatis Iesu XXII* (1953): 203-214.

LÃ Minh Hằng. “Nguồn tư liệu từ vụng thế kỷ 17 – qua khảo sát truyện ông thánh Inaxu”. Trong *Thông Báo Hán Nôm Học*. Viện Nghiên Cứu Hán Nôm, 2013.

NGUYỄN Quốc Dũng. *Ngôn ngữ trong “Truyện các thánh” của tác giả Maiorica – khía cạnh từ vựng và ngữ pháp*. Khóa luận tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ, Trường Đại học Sư phạm Huế, 2009.

NGUYỄN Thị Tú Mai. *Chữ Nôm và Tiếng Việt Thế Kỉ XVII qua Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông của Jeronimo Maiorica*. Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012.

NGUYỄN Văn Ngoạn. *Khảo cứu văn bản Nôm Kinh những lễ mùa phục sinh của Maiorica*. Luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội, 2012.

SOMMERVOGEL, Carlos. “Maiorica, Jérôme”. Trong *Bibliothèque de la Compagnie de Jésus*. Bibliographie, Tome V, 360-361. Bruxelles: Oscar Schepens, 1894.

SOTVELLO, Nathanaele. “Hieronymvs Maiorica”. Trong *Bibliotheca Scriptorvm Societatis Iesv*, 343-344. Rome: Iacobi Antonij de Lazzaris Varesij, 1676.

### Một số tài liệu có đề cập đến cha Girolamo Maiorica và các tác phẩm của ngài

CAO Thế Dung. *Việt Nam công giáo sử tân biên (1533-2000)*. Gretna, LA: Cơ sở Truyền thông Dân Chúa, 2002.

TRẦN Tuyết Nhung. *Vietnamese Women at the Crossroads: Gender and Society in Early Modern Dai Viet*. Luận án tiến sĩ, University of California at Los Angeles, 2004.

NGUYỄN Thế Thoại. *Công giáo trên quê hương Việt Nam*. Lưu hành nội bộ, 2001.

### Biodata

Lm. Phanxicô Xaviê Nguyễn Hai Tính, S.J, Linh mục và là Giám đốc Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên Việt Nam, chịu chức linh mục năm 2007, có bằng tiến sĩ thần học - Tín Lý (STD) do trường Đại học Giáo hoàng Gregoriana cấp năm 2009. Hiện tại cha đang dạy các môn học thần học tín lý ở Học viện Thánh Giuse Dòng Tên Việt Nam, Học viện Công giáo Việt Nam, Đại chủng viện Thánh Giuse Sài Gòn, Đại chủng viện Thánh Giuse Hà Nội và một số nơi khác.

Fr. Francis Xavier Nguyen Hai Tinh, S.J., Director of the Saint Joseph Jesuit Scholasticate in Vietnam, is a Jesuit priest who was ordained in 2007. He holds a Doctorate in Theology (Dogmatic Theology, S.T.D.) awarded by the Pontifical Gregorian University in 2009. He currently teaches courses in dogmatic theology at the Saint Joseph Jesuit Scholasticate (Society of Jesus in Vietnam), the Vietnam Catholic Institute, the Saint Joseph Major Seminary of Saigon, the Saint Joseph Major Seminary of Hanoi, and other institutes.